

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 05/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/04/2015



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định niêm yết số: ...399./QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ...30 tháng ...06 năm 2015)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

- Địa chỉ: Số 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
- Điện thoại: (0710) 3765 079 Fax: (0710) 3765 078
- Website: <http://www.dpmtnb.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

- Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (04) 3934 3888 Fax: (04) 3934 3999
- Website: <http://www.psi.vn>
- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3914 6789 Fax: (08) 3914 6969

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Trần Văn Thắng Điện thoại: 0908.233.534

Chức vụ: UV. HĐQT & P. Giám đốc Fax: 07103.765.078

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ
cấp lần đầu ngày 05/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/04/2015*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
- Mã cổ phiếu : PSW
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng niêm yết : 17.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết : 170.000.000.000 đồng (*theo mệnh giá*)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

- Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (04).3934 3888 Fax: (04).3934 3999
Website: <http://psi.vn>

- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, TP.HCM
Điện thoại: (08).3914 6789 Fax: (08).3914 6969

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex Số 34, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04).3852 4123 Fax: (04).3852 4143
Website: www.deloitte.com.vn
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, Số 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (08).3910 0751 Fax: (08).3910 0750

MỤC LỤC



| | | |
|-------------|--|----------|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 1 |
| 1. | Rủi ro kinh tế | 1 |
| 3. | Rủi ro đặc thù..... | 2 |
| 4. | Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết..... | 2 |
| 5. | Rủi ro khác | 3 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 3 |
| 1. | Tổ chức niêm yết..... | 3 |
| 2. | Tổ chức tư vấn..... | 3 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM | 4 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 6 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 6 |
| 1.1. | Lịch sử hình thành | 6 |
| 1.2. | Giới thiệu về Công ty | 6 |
| 1.3. | Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty | 8 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức Công ty | 8 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý..... | 8 |
| 4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông..... | 16 |
| 4.1. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty | 16 |
| 4.2. | Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ..... | 17 |
| 4.3. | Cơ cấu cổ đông của PVFCCo-SW tại thời điểm 12/05/2015 | 17 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVFCCo-SW, những công ty mà PVFCCo-SW đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SW..... | 17 |
| 5.1. | Danh sách Công ty mẹ, Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SW:..... | 17 |
| 5.2. | Danh sách Công ty con, Công ty mà PVFCCo-SW đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối..... | 18 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh | 18 |
| 6.1. | Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm | 18 |

| | | |
|-------------|---|-----------|
| 6.2. | Nguyên vật liệu | 22 |
| 6.2.1. | Nguồn nguyên vật liệu..... | 22 |
| 6.2.2. | Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu cung cấp | 22 |
| 6.2.3. | Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận | 22 |
| 6.3. | Chi phí hoạt động kinh doanh | 23 |
| 6.4. | Trình độ công nghệ | 24 |
| 6.5. | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới | 24 |
| 6.6. | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ..... | 24 |
| 6.7. | Hoạt động Marketing..... | 25 |
| 6.8. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền | 27 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 28 |
| 7.1. | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất | 28 |
| 7.2. | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh | 29 |
| 7.2.1. | Yếu tố thuận lợi | 29 |
| 7.2.2. | Yếu tố khó khăn | 30 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành | 31 |
| 8.1. | Vị thế của Công ty trong ngành..... | 31 |
| 8.2. | Triển vọng phát triển của ngành | 31 |
| 8.3. | Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới..... | 34 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động | 35 |
| 9.1. | Số lượng người lao động trong Công ty | 35 |
| 9.2. | Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác | 36 |
| 9.2.1. | Chính sách đào tạo | 36 |
| 9.2.2. | Chính sách lương..... | 36 |
| 9.2.3. | Các chính sách đãi ngộ khác | 37 |
| 10. | Chính sách cổ tức..... | 37 |
| 11. | Tình hình hoạt động tài chính | 37 |
| 11.1. | Các chỉ tiêu cơ bản | 37 |
| 11.2. | Chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 41 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | 41 |
| 12.1. | Thành viên Hội đồng quản trị..... | 41 |
| 12.2. | Ban Giám đốc | 50 |

| | |
|--|-----------|
| 12.3. Thành viên Ban kiểm soát | 51 |
| 12.4. Kế toán trưởng | 55 |
| 13. Tài sản..... | 56 |
| 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo..... | 57 |
| 14.1. Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025..... | 57 |
| 14.2. Các giải pháp thực hiện mục tiêu chiến lược..... | 60 |
| 15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 62 |
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo - SW..... | 62 |
| 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết..... | 62 |
| V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 62 |
| 1. Loại chứng khoán. | 62 |
| 2. Mệnh giá | 62 |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết | 62 |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết..... | 62 |
| 5. Phương pháp tính giá | 63 |
| 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài..... | 65 |
| 7. Các loại thuế có liên quan | 65 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT | 69 |
| 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT..... | 69 |
| 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN..... | 69 |
| VII. PHỤ LỤC..... | 70 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 khả quan hơn 2013 với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện.

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, vượt trên nhiều dự báo, cho thấy tăng trưởng GDP của nền kinh tế đang có xu hướng tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 3,95% so với bình quân năm 2013, và thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,6% của năm 2013. Có thể nói năm 2014 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 15 năm trở lại đây. (Nguồn: Cục Thống kê). Bên cạnh đó, sự ổn định của thị trường ngoại hối trong năm 2014 cũng là một mục tiêu kiên định trong chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước. Trong năm 2014, biên độ dao động của tỷ giá USD/VND được duy trì ổn định hơn rất nhiều, nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ và kịp thời. Về lãi suất huy động và cho vay, lãi suất năm 2014 được tiếp tục điều chỉnh giảm. So với cuối năm 2013, lãi suất huy động giảm nhẹ từ 0,2% - 1%; còn lãi suất cho vay giảm từ 2,5% đối với ngắn hạn và giảm từ 2% - 3% đối với trung và dài hạn.

Trong 3 tháng đầu năm 2015 hầu hết các nền kinh tế mới nổi hy vọng sẽ đạt mức tăng trưởng khả quan hơn nhờ giá dầu giảm, thanh khoản toàn cầu tăng. Sự phục hồi của kinh tế Mỹ được kỳ vọng sẽ là đầu tàu cho các nền kinh tế phát triển, làm tăng nhu cầu đối với những mặt hàng xuất khẩu từ các nước đang phát triển tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, giúp khu vực này duy trì tốc độ tăng trưởng. Khu vực đồng Euro tuy không còn áp lực mạnh của cuộc khủng hoảng nợ công nhưng rủi ro suy thoái vẫn là điều quan ngại.

Tình hình vĩ mô trong nước trong Quý 1/2015 cũng đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể là lạm phát đã ổn định và duy trì ở mức thấp, CPI bình quân quý I năm nay tăng 0,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. GDP quý I/2015 ước tính tăng 6,03% so với cùng kỳ năm 2014, đây là mức tăng cao nhất của quý I trong 5 năm qua. Sản xuất kinh doanh nhìn chung thuận lợi do giá dầu giảm mạnh nên không chịu nhiều sức ép về chi phí đầu vào. Tuy nhiên, giá cả trên thị trường thế giới biến động mạnh, nhất là giá dầu gây áp lực lớn đến cân đối ngân sách Nhà nước (Nguồn: Cục Thống kê).

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

2. Rủi ro luật pháp

Hệ thống luật pháp Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do vậy có thể sẽ có những thay đổi một số quy định của pháp luật.

Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của PVFCCo - SW chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu PVFCCo - SW.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Thị trường phân bón thế giới và Việt Nam đang bão hòa, nguồn cung đang vượt quá cầu, đặc biệt là phân Urê. Tại thị trường nội địa, trong khi nhu cầu phân bón ổn định ở mức 10-11 triệu tấn/năm thì nguồn cung phân bón đã tăng lên nhanh chóng do việc ra đời những nhà máy sản xuất phân bón mới. Đến cuối năm 2014, dự án mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc hoàn thành, sẽ nâng công suất từ 180 nghìn tấn/năm lên 500 nghìn tấn/năm. Như vậy, cả nước sẽ sản xuất 2,66 triệu tấn phân Urê/năm, tuy nhiên vẫn phải nhập khẩu hoàn toàn phân Kali và SA.

Thêm vào đó, giá phân bón trong nước có xu hướng giảm theo giá phân bón thế giới. Nguyên nhân chính là do sự gia tăng mạnh nguồn cung phân bón trên thế giới cũng như trong nước.

Giá nguyên liệu đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, mà đặc biệt là Trung Quốc cũng là những thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp phân bón trong thị trường nội địa. Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón còn phải đối mặt với tình trạng phân bón giả, kém chất lượng với giá thành rẻ hơn, và những quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón khắt khe hơn thông qua Nghị định 202/2013/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp phân bón một mặt sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong nước, mặt khác phải cạnh tranh với các thị trường xuất khẩu phân bón với giá thành rẻ hơn trên thế giới.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên,

rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đáng kể đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: **Phạm Quý Hiền** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông: **Nguyễn Đức Hiền** Chức vụ: **Giám đốc**

Ông: **Nguyễn Thành Công** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Bà: **Mai Hồng Khánh** Chức vụ: **Trưởng Ban kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: **Trần Hùng Dũng** Chức vụ: **Phó Giám đốc Công ty**

Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM

(Theo Giấy ủy quyền số 10/UQ-CKDK ngày 20/04/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu số 05/TV-CKDK HCM/2012 ngày 12/04/2012 với Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---|---|
| “ Bản cáo bạch ” | Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư. |
| “ PVFCCo-SW ” hoặc “ Công ty ” | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ. |
| “ PVFCCo ” hoặc “ Tổng Công ty ” | Tên viết tắt của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần. |
| “ Cổ đông ” | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của PVFCCo-SW. |
| “ Cổ phần ” | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. |
| “ Cổ phiếu ” | Chứng chỉ do PVFCCo-SW phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của PVFCCo-SW. Cổ phiếu của PVFCCo-SW có thể ghi tên và không ghi tên theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật. |
| “ Cổ tức ” | Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của PVFCCo-SW để chia cho cổ đông. |
| “ Điều lệ ” | Điều lệ của PVFCCo-SW đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua. |
| “ Năm tài chính ” | Tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. |
| “ Người liên quan ” | Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;• Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;• Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty;• Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; |

- Công ty mẹ, công ty con (nếu có);
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

“Vốn điều lệ” Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của PVFCCo-SW.

“ĐBSCL” Đồng bằng sông Cửu Long

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ tiền thân là trạm giao dịch tại Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 288/QĐ-TCHC ngày 08/07/2004 của Phó Giám đốc phụ trách Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí. Trong quá trình phát triển và để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí được đổi tên thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, trạm Giao dịch chuyển đổi mô hình hoạt động thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ theo Quyết định số 077/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí Việt Nam ký ngày 14/01/2005.

Ngày 27/12/2007 Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chuyển đổi thành Xí nghiệp Kinh doanh phân bón miền Tây Nam Bộ theo Quyết định số 80/QĐ-HĐQT của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí.

Ngày 07/08/2008 Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được thành lập theo Quyết định số 114/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần, trên cơ sở chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh phân bón miền Tây Nam Bộ.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/08/2008 và chính thức hoạt động vào ngày 01/09/2008 dưới hình thức Công ty TNHH MTV.

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) về đổi mới và phát triển doanh nghiệp, thay đổi phương thức quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp, đồng thời khai thác khả năng của từng doanh nghiệp trên mọi lĩnh vực hoạt động, tận dụng cơ hội để phát triển thị trường và phát huy kinh nghiệm sẵn có trong lĩnh vực kinh doanh phân bón của PVFCCo-SW, ngày 24/12/2010 Hội đồng quản trị PVFCCo đã ban hành Quyết định số 273/QĐ-PBHC về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ sang mô hình Công ty Cổ phần.

Công ty đã chính thức hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800722461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp ngày 31/12/2010 với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

- Tên tiếng Anh: SOUTH-WEST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PVFCCo-SW
- Logo của Công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký: 170.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 170.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 17.000.000 cổ phiếu (Mười bảy triệu cổ phiếu)
- Trụ sở chính: Số 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (0710) 3765 079 Fax: (0710) 3765 078
- Website: www.dpmtnb.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461
(Đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 04 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp)
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
 - Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá;
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Quảng cáo;
 - Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các

loại; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan; Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc Chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan.
- Tài khoản giao dịch: 102010000725547 tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Cần Thơ.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Kinh doanh các loại phân bón; Sản xuất phân bón và hợp chất Ni to; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan; Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.
- Vào ngày 08/08/2012, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã nhận được công văn số 2790/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của PVFCCo SW.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Kể từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Công ty chưa tiến hành tăng vốn điều lệ lần nào. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 170 tỷ đồng.

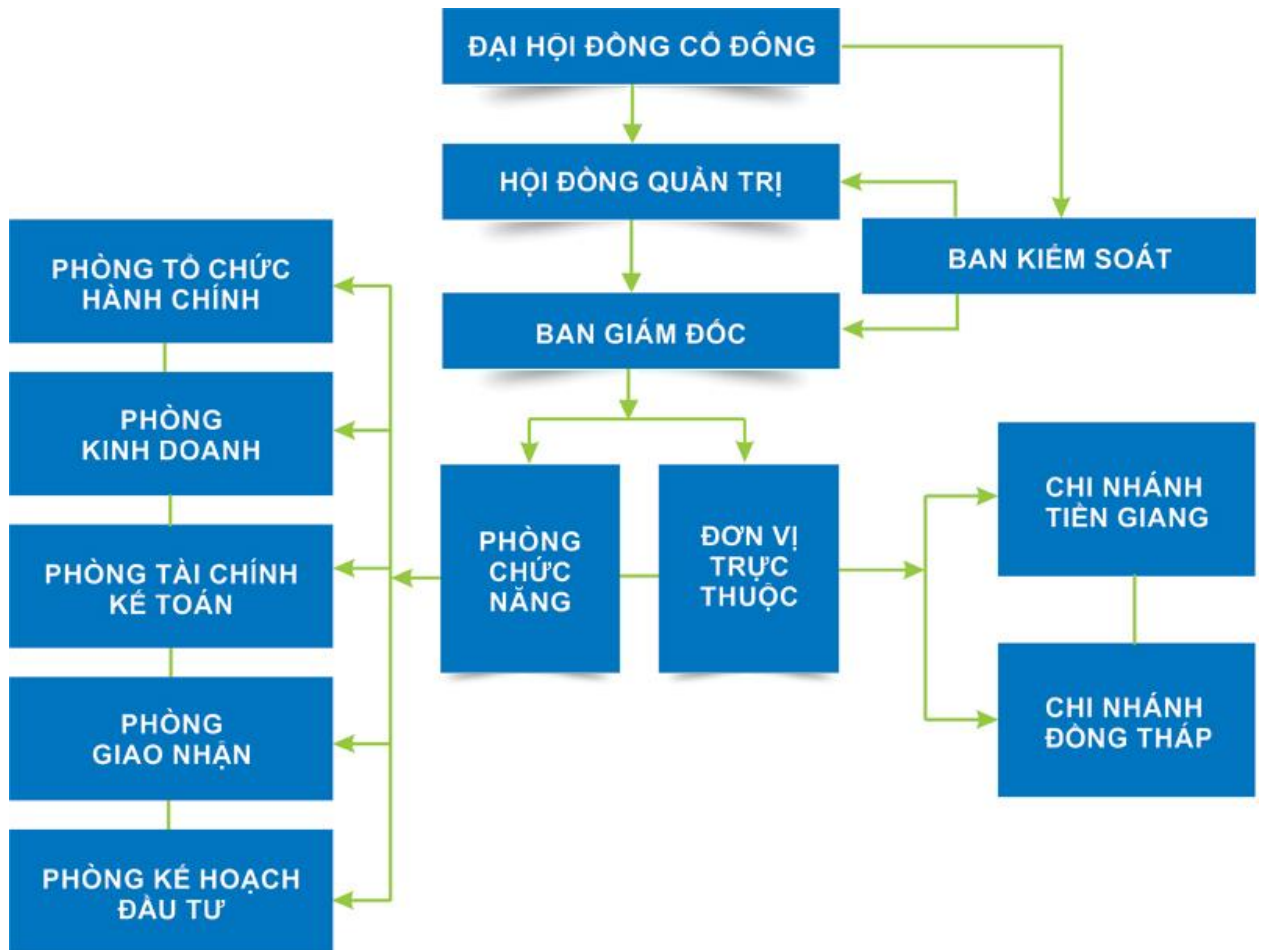
2. Cơ cấu tổ chức Công ty

PVFCCo-SW hiện có 02 chi nhánh (chi nhánh Tiền Giang và Đồng Tháp) và không có công ty con.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo-SW) được tổ chức và hoạt động theo (1) Luật Doanh nghiệp và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu bộ máy quản lý của PVFCCo-SW như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ PVFCCo-SW



| | |
|-------------------------------------|--|
| <p>Đại hội đồng cổ đông:</p> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của PVFCCo-SW. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. |
| <p>Hội đồng quản trị:</p> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. ➢ Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo |

| | |
|------------------------------------|---|
| | <p>Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. |
| Ban kiểm soát: | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. ➢ Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. |
| Ban Giám đốc: | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 03 năm. Giám đốc Công ty là người quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. ➢ Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Công ty, các chức danh Phó Giám đốc Công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của các chức danh Phó Giám đốc Công ty là 03 năm. ➢ Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc cho Giám đốc Công ty trong một hoặc một số lĩnh vực hoạt động được Giám đốc phân công. Công ty có 02 Phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tài chính... |
| Kế toán trưởng: | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Công ty, chức danh Kế toán trưởng Công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của chức danh Kế toán trưởng Công ty là 03 năm. ➢ Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê tại Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng Công ty và Tập đoàn. |
| Phòng Tổ chức – Hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là Phòng nghiệp vụ trực thuộc Công ty có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, hoạch định chiến lược phát |

| | |
|--|---|
| | <p>triển nguồn nhân lực, thực hiện công tác hành chính quản trị; văn thư lưu trữ và các công việc liên quan đến công tác văn phòng...</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phòng Tổ chức – Hành chính chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được ủy quyền. ➤ Phòng Tổ chức – Hành chính có nhiệm vụ: tổ chức nhân sự: xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, kiện toàn hệ thống tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ chế điều hành tổ chức của Công ty, tuyển dụng, đào tạo quản lý nhân sự, công tác cán bộ, xây dựng tiền lương và chế độ chính sách; quản lý công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật, an ninh quốc phòng và bảo vệ chính trị; tổ chức quản lý công tác văn thư, lưu trữ và hệ thống thông tin liên lạc và thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc Công ty giao. |
| <p>Phòng Tài chính – Kế toán:</p> | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Là phòng nghiệp vụ thuộc Công ty và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được ủy quyền. ➤ Phòng Tài chính – Kế toán có vai trò tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty trong công việc: <ul style="list-style-type: none"> • Bảo toàn, khai thác có hiệu quả và phát triển nguồn vốn của Công ty; • Quản lý các hoạt động tài chính của Công ty; • Tổ chức kế hoạch hóa tài chính trong toàn Công ty; • Quản lý toàn bộ tài sản và vốn của Công ty; • Quản lý và Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước, Quy chế tài chính của Tổng công ty và Công ty; • Tham mưu cho Ban quản lý xây dựng các chế độ tài chính, các quy chế, quy định trong công tác Tài chính, Kế toán tại Công ty; • Thực hiện kịp thời các khoản thu, nộp Nghĩa vụ ngân sách, các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.... ➤ Nhiệm vụ của Phòng Tài chính – Kế toán: |

| | |
|---------------------------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và tham gia xây dựng các quy chế, chế độ tài chính, phân cấp quản lý và hạch toán của Công ty; • Tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật; • Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển tài chính của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; • Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển Công ty; • Quản lý điều hành nguồn vốn, các hợp đồng tín dụng đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư. |
| <p>Phòng Kinh doanh:</p> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là phòng nghiệp vụ thuộc Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức, quản lý, điều hành hệ thống kinh doanh các sản phẩm phân bón của Tổng Công ty giao, xuất nhập khẩu và phân phối các loại phân bón tự doanh. ➢ Phòng Kinh doanh có vai trò tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty trong công việc: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và quản lý triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty; các kế hoạch kinh doanh dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty; thiết lập số liệu thống kê, báo cáo; • Tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty; • Thông tin – thị trường; • Nghiên cứu thị trường, định hướng đầu tư phát triển các sản phẩm và dịch vụ mà Công ty có chức năng kinh doanh; • Quản lý và vận hành có hiệu quả Cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Cà Mau, trạm liên lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh; • Tổ chức và thực hiện tất cả các công việc liên quan đến quảng cáo, tiếp thị, đăng ký và bảo vệ thương hiệu. ➢ Nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng, quy hoạch, định hướng, tổ chức, triển khai các hoạt động kinh doanh và phân phối sản |

| | |
|-------------------------------|---|
| | <p>phẩm phân bón của Tổng Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức hoặc phối hợp, quản lý và giám sát thực hiện các hoạt động kinh doanh các sản phẩm phân bón của các cửa hàng, đại lý; • Quản lý công tác xuất, nhập khẩu phân bón; • Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, quản lý các hoạt động tiếp thị; • Hoạt động truyền thông... |
| <p>Phòng Giao nhận</p> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Là phòng nghiệp vụ thuộc Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc Công ty về các công việc: <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức, quản lý, điều hành hệ thống kho bãi xuất/nhập, bảo quản và phân phối hàng hóa; • Thực hiện các công việc hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, vận tải, bảo hiểm và điều phối hàng hóa (phân bón) của Công ty; • Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty trong công tác chọn nhà thầu cung cấp các dịch vụ vận chuyển, kho bãi, bốc xếp; • Tham mưu cho Ban Giám Đốc hoạch định và phát triển hệ thống kho bãi. ➢ Nhiệm vụ của Phòng Giao nhận: <ul style="list-style-type: none"> • Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, kho bãi, vận tải, bảo hiểm hàng hóa của Công ty; • Xây dựng và hướng dẫn quy trình giao nhận hàng tại nhà máy, tại kho trung chuyển và các kho cảng trong khu vực; • Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, tổng hợp các hoạt động giao nhận, bảo quản hàng hóa của Công ty tại kho trung chuyển; • Tổ chức công tác vận chuyển, điều phối hàng hóa đến các kho trung chuyển tại các kho cảng theo kế hoạch kinh doanh của Công ty; • Tổng hợp, thanh toán chi phí bốc xếp, giao nhận, lưu kho, vận chuyển, bảo hiểm hàng hoá... • Hỗ trợ các Cửa hàng/Đại lý về công tác chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động giao |

| | |
|--------------------------------------|--|
| | <p>nhận, vận tải...</p> <ul style="list-style-type: none">• Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến từng đợt giao hàng: hợp đồng vận chuyển, lệnh điều động nội bộ, mua bảo hiểm vận chuyển nội địa, mua bảo hiểm kho và một số thủ tục khác có liên quan đến thủ tục giao nhận hàng hoá.• Chủ trì đàm phán, trình duyệt và giám sát việc thực hiện các hợp đồng vận chuyển, hợp đồng giao nhận- bốc xếp- lưu kho, bảo hiểm liên quan đến công tác giao nhận, vận tải.• Thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực công tác được giao.• Chủ động tham gia đề xuất ý kiến liên quan đến các dự án về các kho cảng, phương tiện vận chuyển• Mua sắm, quản lý và tổ chức sử dụng tài sản, vật tư, thiết bị của Công ty liên quan đến công tác giao nhận, vận chuyển điều phối. |
| <p>Phòng Kế hoạch- Đầu Tư</p> | <p>➢ Là phòng nghiệp vụ thuộc Công ty, có vai trò tham mưu cho Ban Giám đốc về lĩnh vực hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển trong toàn Công ty (trừ đầu tư tài chính), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">• Đầu mối giúp cho Ban Giám đốc Công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và điều hành triển khai thực hiện chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Công Ty.• Tham mưu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả SXKD nhằm đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm do Tổng Công ty giao.• Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Công ty.• Tham mưu cho BGD Công ty về công tác kế hoạch liên quan trong lĩnh vực quản lý hoạt động hợp tác đầu tư Công ty. Nghiên cứu thị trường, định hướng xây dựng chiến lược đầu tư phát triển của Công Ty trong các hoạt động đầu tư sản xuất trong nước. |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">• Tham mưu cho ban Giám đốc Công ty về lĩnh vực quản lý dự án, chủ trương đầu tư, quản lý hoạt động hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết của Công ty.• Tổ chức thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Báo cáo đầu tư; lập dự án đầu tư; lập phương án đầu tư sản xuất mới (không bao gồm đầu tư tài chính). <p>➤ Nhiệm vụ của Phòng Kinh tế - Kế hoạch:</p> <ul style="list-style-type: none">• Xây dựng, trình duyệt, quản lý và kiểm tra công tác triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch kinh doanh và đầu tư dài hạn, ngắn hạn và hàng năm của Công ty;• Tổng hợp, cân đối và giao/chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm cho các Đơn vị trong Công ty;• Lập báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, dịch vụ của Công ty cho Ban Giám đốc Công ty và lãnh đạo Tổng Công ty và các cơ quan liên quan;• Tổng hợp, theo dõi và đánh giá công tác mua, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, tài sản của Công ty;• Lập kế hoạch, đề xuất các biện pháp để sử dụng cơ sở vật chất, tài sản của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;• Phối hợp lập, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bán, thanh lý cơ sở vật chất, tài sản của Công ty;• Thu thập thông tin dữ liệu từ các nguồn, phân tích, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm tiềm năng;• Đề xuất công nghệ sản xuất, xác định quy mô, hình thức đầu tư cho các sản phẩm có khả năng tiến tới đầu tư sản xuất;• Đề xuất phương án đầu tư, định hướng đầu tư, liên doanh, liên kết trong đầu tư sản xuất (trừ đầu tư tài chính);• Lập báo cáo khả năng đầu tư, thuyết trình và bảo vệ trước Ban Giám đốc Công ty;• Làm đầu mối hoặc phối hợp với các đơn vị tổ chức chọn nhà thầu thực hiện lập báo cáo đầu tư; lập dự |
|--|--|

| | | |
|--|-----------------------------|---|
| <p>4. D a n h s á c h c ổ đ ô n g n á m g i ữ t</p> | | <p>án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật. Tổ chức thẩm định và trình duyệt các báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> Theo dõi hoặc giám sát quản lý thực hiện dự án về các nội dung: phạm vi công việc, tiến độ, thủ tục thanh quyết toán, các thay đổi về quy mô, phát sinh làm thay đổi giá trị tổng mức đầu tư và ảnh hưởng đến tiến độ dự án theo quy định. |
| | <p>Các Chi nhánh</p> | <p>➤ Hiện tại, Công ty có hai (02) chi nhánh bao gồm Chi nhánh Tiền Giang và Đồng Tháp.</p> <p>Chức năng, nhiệm vụ chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản lý hệ thống tài sản, trang thiết bị và kho chứa của công ty đầu tư và hệ thống kho chứa của công ty, quản lý và phân phối hàng hóa và sản phẩm của công ty. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách kinh doanh của Công ty đối với hệ thống các Đại lý, cửa hàng của khách hàng Công ty; Giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu của Tổng công ty và Công ty; Phát triển thị trường, hỗ trợ các Đại lý và Cửa hàng của khách hàng Công ty trong công tác phát triển thị trường; Kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký; Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công |

ừ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 12/05/2015, như sau:

| STT | Tên cổ đông | Số ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------|---------|---------|--------------------|-----------|
|-----|-------------|---------|---------|--------------------|-----------|

| STT | Tên cổ đông | Số ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|------------|--|--------------------|-----------|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP | 0303165480 | Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh | 12.750.000 | 75% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/05/2015 do TTLKCK cung cấp

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Do Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành Viên nên các cổ phần của PVFCCo-SW đều là cổ phần phổ thông và Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông của PVFCCo-SW tại thời điểm 12/05/2015

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------|------------------|-------------------|------------------|
| Cổ đông trong nước | 105 | 17.000.000 | 100% |
| - Cá nhân | 89 | 870.000 | 5,12 |
| - Tổ chức | 16 | 16.130.000 | 94,88 |
| Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| - Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| - Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 105 | 17.000.000 | 100% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/05/2015 do TTLKCK cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVFCCo-SW, những công ty mà PVFCCo-SW đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SW.

5.1. Danh sách Công ty mẹ, Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SW:

Tên công ty : Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP
Địa chỉ : 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

| | |
|------------------------------------|--|
| Số điện thoại | : (08) 3825 6258 |
| Số Fax | : (08) 3825 6269 |
| Giấy CN đăng ký kinh doanh số | : 0305097236 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/07/2013 |
| Vốn điều lệ đăng ký | : 3.800.000.000.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp | : 3.800.000.000.000 đồng |
| Ngành nghề kinh doanh (chủ yếu) | <ul style="list-style-type: none">• Sản xuất, kinh doanh phân đạm, amôniac hóa lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác.• Các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).• Sản xuất và kinh doanh điện.• Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật. |
| Giá trị vốn thực góp tại PVFCCo-SW | : 12.750.000.000 đồng (tương đương 75% vốn điều lệ của PVFCCo-SW) |

5.2. Danh sách Công ty con, Công ty mà PVFCCo-SW đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

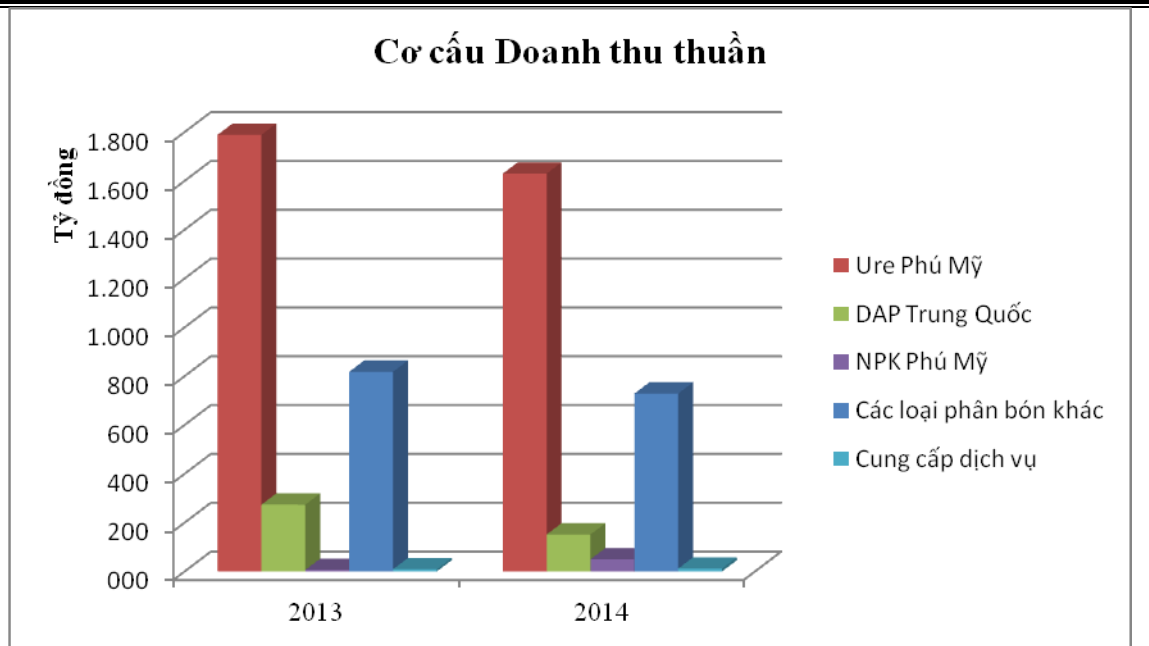
Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty có nhiệm vụ chủ yếu là phân phối phân Urê do nhà máy đạm Phú Mỹ cung cấp (chiếm trên 60% doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty), bên cạnh đó công ty còn kinh doanh một số mặt hàng do Tổng công ty nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu phân bón trong vùng (phân SA, phân DAP, phân Kali, NPK, Phân Urê nhập khẩu...) và cung cấp một số dịch vụ như vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, cho thuê văn phòng, tổ chức hội thảo cho nông dân,...

Biểu đồ Cơ cấu Doanh thu thuần của PVFCCo-SW năm 2013, 2014 và Quý 1/2015 như sau:



Chi tiết Cơ cấu Doanh thu thuần của PVFCCo-SW năm 2013, 2014 và Quý I/2015 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2013 | %/DTT | 2014 | %/DTT | Quý I/2015 | %/DTT |
|------------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------|----------------|
| Ure Phú Mỹ | 1.784.143 | 61,73% | 1.607.687 | 63,09% | 397.049 | 69,71% |
| Phân DAP | 273.438 | 9,46% | 150.998 | 5,93% | 91.484 | 16,06% |
| NPK Phú Mỹ | 5.997 | 0,21% | 49.645 | 1,95% | 11.042 | 1,94% |
| Các loại phân bón khác | 817.493 | 28,29% | 728.236 | 28,58% | 68.731 | 12,07% |
| Dịch vụ khác | 8.955 | 0,31% | 11.633 | 0,46% | 1.289 | 0,22% |
| Tổng | 2.890.025 | 100% | 2.548.198 | 100% | 569.595 | 100,00% |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý 1/2015 của PVFCCo-SW

Doanh thu trong năm 2014 giảm 341.827 triệu đồng so với năm 2013, tương đương giảm 11,83%. Doanh thu năm 2014 giảm chủ yếu do giá bán các sản phẩm trong năm giảm từ 7%-13% so với năm trước trong khi đó sản lượng tiêu thụ của Công ty vẫn ổn định so với năm 2013. Thị trường có nhiều biến động khó lường, giá các loại phân bón nói chung và Urê nói riêng liên tục giảm do nguồn cung trên thị trường tương đối dồi dào và sự xuất hiện, cạnh tranh giá thấp hơn của mặt hàng Đạm Cà Mau và Ninh Bình tại thị trường khu vực.

Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong hai năm 2013-2014 và Quý 1/2015:

- Đối với phân U rê Phú Mỹ: Doanh thu của PVFCCo-SW được tạo ra chủ yếu từ kinh doanh Urê Phú Mỹ (do đây là mặt hàng chủ lực mà Công ty chịu trách nhiệm phân phối từ Tổng Công ty), chiếm trên 62% tổng doanh thu thuần. Sản lượng tiêu thụ phân bón U rê Phú Mỹ duy trì ổn định mỗi năm khoảng 200.000 đến 220.000 tấn. Doanh thu từ U rê Phú Mỹ trong năm 2014 giảm so với năm 2013 là do giảm giá bán phân bón, để cạnh tranh với thị trường do nguồn cung phân bón dồi dào.

- Đối với phân bón DAP: chiếm 9,46% doanh thu thuần của Công ty trong năm 2013, tuy nhiên sang năm 2014 doanh thu từ mặt hàng này giảm 44% so với năm 2013, tỷ trọng doanh thu cũng giảm xuống chỉ còn 5,93% tổng doanh thu thuần của Công ty do trong năm 2013, Công ty có kinh doanh phân bón DAP Trung Quốc mua từ các đối tác khác và DAP Phú Mỹ mua từ Tổng Công ty. Tuy nhiên, từ năm 2014, Công ty không kinh doanh phân bón DAP Trung Quốc nữa, mà chỉ kinh doanh DAP Phú Mỹ nhằm đảm bảo chất lượng tốt hơn cho nông dân. Do vậy, sản lượng xuất bán DAP trong năm 2014 giảm so với năm 2013.

Sang Quý 1 năm 2015 doanh thu phân bón DAP Trung Quốc tăng trở lại do thời điểm này giá nhập DAP rẻ hơn, việc kinh doanh mang lại hiệu quả cao nên Công ty đã mua thêm DAP Trung Quốc từ các Công ty nhập khẩu khác. Mặt khác, việc tiêu thụ phân DAP mang tính thời vụ và thường diễn ra vào Quý 1, Quý 4 của năm.

- Đối với NPK Phú Mỹ: chỉ chiếm 1-2% doanh thu thuần của Công ty, tuy nhiên doanh thu NPK Phú Mỹ có xu hướng tăng từ năm 2014. Nguyên nhân là do Tổng Công ty đang

đầu tư 5.000 tỷ đồng mở rộng nhà máy NPK Phú Mỹ, dự kiến vận hành vào quý 2 năm 2017. Do vậy, PVFCCo SW đang đẩy mạnh mở rộng thị trường tiêu thụ sản lượng NPK Phú Mỹ nhằm chuẩn bị cho việc tiêu thụ sản phẩm NPK do Tổng Công ty sản xuất sau này, làm cho sản lượng tiêu thụ NPK Phú Mỹ từ năm 2014 tăng lên đáng kể. Dự kiến, từ năm 2017, khi nhà máy chính thức đi vào hoạt động thì sản lượng tiêu thụ NPK Phú Mỹ của Công ty sẽ tăng lên đáng kể.

- Đối với phân bón khác (bao gồm phân SA, phân DAP, phân Kali, NPK, Phân Urê nhập khẩu...): chiếm 28% doanh thu của Công ty trong hai năm 2013, 2014. Tuy nhiên doanh thu từ phân bón khác, mà cụ thể là từ phân Kali có xu hướng giảm do giá bán Kali giảm từ năm 2014. Trong năm 2013, Công ty nhập hàng Kali từ nhiều nguồn (từ Tổng Công ty, từ các đối tác bên ngoài) với giá thành khác nhau dao động trung bình từ 9.000 – 10.000 đồng/kg. Tuy nhiên, sang năm 2014, Công ty chỉ nhập hàng từ Tổng Công ty với nguồn nhập khẩu từ Nga, và giá thành rẻ hơn (khoảng hơn 8.000 đồng/kg). Thêm vào đó, giá bán của mặt hàng này cũng giảm trên thị trường thế giới và trong nước, những nguyên nhân trên làm cho giá bán Kali từ năm 2014 giảm so với 2013.

- Doanh thu dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,3-0,5% trên doanh thu thuần của Công ty), đây là khoản doanh thu được tạo ra từ các hoạt động vận chuyển, thuê kho, bốc xếp...

Chi tiết cơ cấu Lợi nhuận gộp của PVFCCo-SW năm 2013, 2014 và Quý I/2015 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | %/DTT | Năm 2014 | %/DTT | Quý I/2015 | %/DTT |
|------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| Ure Phú Mỹ | 75.291 | 2,61% | 66.222 | 2,60% | 15.553 | 2,73% |
| Phân DAP | 2.562 | 0,09% | 1.085 | 0,04% | 213 | 0,04% |
| NPK Phú Mỹ | 133 | 0,005% | 2.321 | 0,09% | -94 | -0,02% |
| Các loại phân bón khác | (697) | -0,02% | 6.258 | 0,25% | 449 | 0,08% |
| Dịch vụ khác | 917 | 0,03% | 1.813 | 0,07% | 290 | 0,05% |
| Tổng cộng | 78.207 | 2,71% | 77.699 | 3,05% | 16.411 | 2,88% |

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I/2015 của PVFCCo-SW

Lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2014 giảm so với năm 2013 do sự giảm sút của doanh thu thuần, tuy nhiên tỷ lệ giảm của lợi nhuận gộp chưa đến 1%, thấp hơn nhiều so với mức giảm của doanh thu thuần là 12%. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tăng từ 2,71% năm 2013 lên 3,05% năm 2014. Nguyên nhân là do nguồn cung phân bón ngày càng dồi dào nên giá thành phân bón Công ty nhập về rẻ hơn nhiều so với trước đây. Thêm vào đó, năm 2014 Công ty có khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hơn 3,4 tỷ đồng được hạch toán giảm giá vốn hàng bán trong năm.

Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu của các loại phân bón là tương đối thấp, chỉ chiếm khoảng 2,7%-3% trên doanh thu thuần, nguyên nhân là do giá vốn đầu vào của phân bón cao, đặc biệt là các hàng tự doanh thì chi phí đầu vào rất cao. Trong cơ cấu lợi nhuận gộp thì phân bón Urê Phú Mỹ tạo ra hầu như lợi nhuận gộp cho toàn Công ty, lợi nhuận gộp từ các loại phân bón tự doanh là không đáng kể.

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Là Doanh nghiệp thương mại chuyên phân phối các sản phẩm phân bón và hóa chất công nghiệp nên đầu vào của Công ty là hàng hóa thành phẩm được cung cấp bởi các nhà máy sản xuất phân bón, cụ thể như sau:

Nguồn hàng chủ yếu được cung cấp bởi Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Tổng Công ty cung cấp khoảng 90% nguồn hàng, còn lại Công ty mua từ bên ngoài như phân Urê do nhà máy Đạm Phú Mỹ sản xuất và một số loại phân bón khác.

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu phân bón khi nguồn phân bón trong nước thiếu hụt, Công ty được Tổng Công ty phân phối hàng nhập khẩu, chủ yếu là DAP, Kali nhập từ Nga, các nước Trung Đông thông qua đơn vị có chức năng nhập khẩu phân bón trực thuộc Tổng Công ty. Bên cạnh đó, Công ty mua hàng từ các Công ty nhập khẩu khác.

6.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu cung cấp

Là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu Khí nên Công ty luôn được ưu tiên phân phối hàng hóa từ Tổng Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phân Urê trong khu vực Tây Nam Bộ. Mặc khác, khi nguồn cung phân bón trong nước bị thiếu hụt, Công ty được cung cấp từ đơn vị chuyên nhập khẩu phân bón do Tổng Công ty điều phối.

Hiện nay, với khoảng 500 cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất phân bón trong nước đã đáp ứng được trên 80% nhu cầu sử dụng phân vô cơ với tổng sản lượng sản xuất hàng năm đạt trên 8 triệu tấn các loại. Năng lực sản xuất một số loại phân bón chính (Urê, NPK, Lân) – những loại phân bón có ảnh hưởng lớn trên thị trường phân bón đã đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Như vậy nguồn cung cấp ngày càng ổn định, Công ty không bị thiếu hụt nguồn hàng.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh phân bón, do vậy sự biến động giá cả trên thị trường phân bón sẽ ảnh hưởng đến giá bán của Công ty, từ đó tác động trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, đối với phân bón Urê Phú Mỹ (mặt hàng tiêu thụ chính của Công ty), do Công ty có ưu thế về nguồn cung từ Tổng Công ty với chính sách giá cả ổn định hơn các mặt hàng tự doanh (phân bón NPK, Kali, và DAP) nên rủi ro biến động giá đầu vào của phân bón Urê Phú Mỹ đối với doanh thu, lợi nhuận là thấp hơn so với hàng tự doanh.

Đối với hàng tự doanh, Công ty phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu do Tổng Công ty điều phối với giá cả biến động tăng mạnh trong thời gian xảy ra hiện tượng thiếu hụt nguồn hàng.

6.3. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của PVFCCo-SW bao gồm các yếu tố chi phí sau:

| <i>Đơn vị tính: triệu đồng</i> | | | | |
|--------------------------------|------------------|------------------|--|-----------------------|
| YẾU TỐ CHI PHÍ | Năm 2013 | Năm 2014 | Tăng, giảm 2014 so với 2013 (%) | Quý I/2015 |
| Doanh thu thuần (DTT) | 2.890.025 | 2.548.198 | -11,83% | 569.595 |
| Giá vốn hàng bán | 2.811.818 | 2.470.498 | -12,14% | 553.184 |
| <i>Tỷ trọng % so với DTT</i> | <i>97,29%</i> | <i>96,95%</i> | - | <i>97,12%</i> |
| Chi phí tài chính | 27 | - | -100,00% | - |
| <i>Tỷ trọng % so với DTT</i> | <i>0,001%</i> | <i>0%</i> | - | <i>0%</i> |
| Chi phí bán hàng | 21.288 | 20.829 | -2,15% | 4.535 |
| <i>Tỷ trọng % so với DTT</i> | <i>0,74%</i> | <i>0,82%</i> | - | <i>0,80%</i> |
| Chi phí quản lý | 23.450 | 21.814 | -6,98% | 4.695 |
| <i>Tỷ trọng % so với DTT</i> | <i>0,81%</i> | <i>0,86%</i> | - | <i>0,82%</i> |
| TỔNG CỘNG | 2.856.584 | 2.513.141 | -12,02% | 562.414 |

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I/2015 của PVFCCo-SW

Là doanh nghiệp thương mại chuyên bán buôn các sản phẩm phân bón và đồng thời là đơn vị phân phối phân bón trực thuộc Tổng Công ty nên Công ty luôn bán với giá thấp hơn so với các doanh nghiệp khác, kéo theo giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần (khoảng 97% doanh thu thuần của Công ty) và khá cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Tuy nhiên, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có xu hướng giảm dần qua các năm từ 97,29% năm 2013 xuống 96,95% năm 2014 và 97,12% trong 3 tháng đầu năm 2015. Tỷ trọng giá vốn hàng bán giảm là do Tổng Công ty giảm giá bán cho PVFCCo SW do nguồn cung phân bón dồi dào. Ngoài ra, trong năm 2014, Công ty có khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hơn 3,4 tỷ đồng được hạch toán giảm giá vốn hàng bán trong năm.

Trong năm 2014, Công ty cũng đã giảm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013, do hệ thống kho bãi của Tổng Công ty và Công ty ngày càng phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm, đồng thời Công ty thường chỉ lấy hàng từ Tổng Công ty khi có đơn đặt hàng, hàng nhập về là chuyển ngay cho khách hàng. Điều này đã giúp Công ty giảm được chi phí lưu kho bãi và nhu cầu vốn đầu tư hàng tồn kho. Cụ thể, chi phí bán hàng năm 2014 giảm 2,15% so với năm 2013, tương ứng giảm 458 triệu đồng; và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 giảm 6,98% so với năm 2013, tương ứng giảm 1.636 triệu đồng. Điều này

cũng thể hiện được những nỗ lực của Công ty trong việc chú trọng kiểm soát chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, tạo sự phát triển bền vững cho Công ty bên cạnh nhiệm vụ mở rộng phát triển thị trường và chịu sự điều chỉnh của chính sách Nhà nước về bình ổn giá phân bón trong nước.

Bên cạnh đó, Công ty có nguồn tiền sẵn có, nên không cần vay để thực hiện hoạt động kinh doanh, Công ty chỉ vay một khoản trong năm 2012 là do bù đắp khoản gửi tiết kiệm có kỳ hạn chưa đến hạn nhận lãi và đã hoàn trả ngay trong năm 2013. Do vậy, đến năm 2014 Công ty không có chi phí tài chính.

6.4. Trình độ công nghệ

Là đơn vị phân phối hàng hóa nên Công ty không cần đầu tư nhiều vào dây chuyền sản xuất hay trang thiết bị máy móc công nghệ mà Công ty chỉ chú trọng vào việc phát triển hệ thống kênh phân phối và hệ thống kho bãi tồn trữ hàng. Trong khi đó, với ưu thế là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu Khí, Công ty nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty trong việc nhận hàng tại các kho đầu mối của Tổng Công ty.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Bên cạnh thực hiện phân phối hàng hóa do Tổng Công ty cung cấp mà chủ yếu là phân Urê, Công ty còn mở rộng khai thác kinh doanh các loại phân bón khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực Tây Nam Bộ và tiến tới mở rộng mảng kinh doanh hóa chất phục vụ nông nghiệp và công nghiệp, là thế mạnh của vùng. Tuy nhiên, Công ty cũng đang trong quá trình nghiên cứu, chưa xác định cụ thể mặt hàng hóa chất sẽ kinh doanh.

Công ty cũng đang xúc tiến hợp tác với các đơn vị trong ngành để nghiên cứu, liên doanh liên kết, góp vốn đầu tư sản xuất sản phẩm phân bón và nông dược (như thuốc bảo vệ thực vật... phục vụ nông nghiệp), tuy nhiên, đến nay việc phát triển sản phẩm này vẫn đang trong quá trình nghiên cứu.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các điểm trình diễn và kết hợp tổ chức truyền hình trực tiếp giới thiệu các sản phẩm mới, quảng bá sản phẩm mới trên các kênh thông tin truyền hình, báo đài...tiến tới nghiên cứu xây dựng trung tâm phân bón hoặc trung tâm thông tin về phân bón.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống chất lượng ISO 9001:2008 và luôn tuân thủ nghiêm ngặt việc kiểm soát chất lượng sản phẩm. Công ty luôn chú trọng đến khâu kiểm soát chặt chẽ về chất lượng hàng hóa đầu vào. Đối với các sản phẩm hàng hóa được Tổng công ty

sản xuất và cung cấp như Urê Phú Mỹ thì Nhà máy của Tổng Công ty luôn có một bộ phận chuyên môn thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát về chất lượng rất chặt chẽ trước khi xuất hàng ra khỏi Nhà máy cho Công ty.

Đối với các hàng hóa nhập khẩu, Công ty luôn chọn các đơn vị có năng lực và uy tín trong nước cũng như trên thị trường quốc tế, hàng hóa nhập khẩu về được thực hiện theo đúng quy trình, kiểm tra chất lượng phải luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước trước khi bán hàng hóa ra ngoài thị trường. Công ty cũng có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt trước khi xuất bán cho khách hàng.

Bên cạnh đó, các khâu về dịch vụ như kho vận, bao bì, bảo hiểm... Công ty luôn có các đối tác liên kết với chất lượng dịch vụ tốt và uy tín. Công ty đang dần hoàn thiện mạng lưới hệ thống kho trung chuyển tại các khu vực trọng điểm của khu vực Tây Nam Bộ, do đó đảm bảo được nguồn hàng hóa lưu trữ, phân phối luôn đầy đủ và cung cấp kịp thời cho khách hàng khi có nhu cầu.

6.7. Hoạt động Marketing.

Với vùng tiêu thụ trải dài từ tỉnh Tiền Giang đến tỉnh Cà Mau, Công ty đã phát triển hệ thống tiêu thụ bao gồm các Đại lý/Cửa hàng trên hầu hết các tỉnh ĐBSCL và đặc biệt tại các vùng, khu vực trọng điểm như Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang...Hiện nay, thị phần cung cấp phân bón của Công ty tại khu vực Tây Nam Bộ chiếm khoảng 40%.

Trên nền tảng hệ thống Đại lý/Cửa hàng đã xây dựng trong những năm qua, Công ty tiếp tục triển khai phát triển hệ thống phân phối với 15 Đại lý/Cửa hàng trực thuộc và 2.128 Đại lý cấp 2 trải rộng khắp các vùng trọng điểm nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nhằm cung cấp kịp thời sản phẩm đến hệ thống các đại lý và bà con nông dân. Trong việc nhận hàng tại các kho trung chuyển của Tổng công ty, đến nay công ty đã phát triển được 02 chi nhánh tại các kho đầu mối của công ty và Tổng công ty, tính đến thời điểm hiện tại hệ thống kho bãi với sức chứa 95 ngàn tấn/7 kho sẵn sàng cung cấp phân bón khi vào vụ tại khu vực.

Hệ thống phân phối gồm 15 Đại lý cấp 1 và 2.128 Đại lý/cửa hàng cấp 2:

| Stt | Tỉnh/Thành phố | Diện tích gieo trồng lúa năm 2014 (lượt ha) | Hệ thống phân phối | |
|-----|------------------|---|--------------------|-----------------------|
| | | | Đại lý cấp 1 | Đại lý/Cửa hàng cấp 2 |
| 1 | Kiên Giang | 770.400 | 1 | 171 |
| 2 | An Giang | 641.300 | 2 | 385 |
| 3 | Đồng Tháp | 541.800 | 4 | 538 |
| 4 | Long An | 527.700 | 0 | 0 |
| 5 | Sóc Trăng | 371.200 | 1 | 107 |
| 6 | Tiền Giang | 235.600 | 0 | 20 |
| 7 | Trà Vinh | 235.600 | 1 | 271 |
| 8 | Cần Thơ | 236.600 | 2 | 197 |
| 9 | Hậu Giang | 212.000 | 1 | 178 |
| 10 | Vĩnh Long | 181.900 | 1 | 95 |
| 11 | Bạc Liêu | 181.700 | 0 | 76 |
| 12 | Bến Tre | 72.200 | 2 | 90 |
| 13 | Cà Mau | 129.900 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 4.337.900 | 15 | 2.128 |

Nguồn: PVFCCo-SW cung cấp

Công ty không đặt đại lý ở vùng Long An và Cà Mau vì: khu vực Long An thuộc địa bàn của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ - đơn vị thành viên của Tổng Công ty, còn Cà Mau không phải là vùng lúa mà là vùng biển, do vậy, việc mở đại lý sẽ không hiệu quả.

Bên cạnh việc đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, cửa hàng kết hợp kho chứa sản phẩm, Công ty luôn chú trọng nâng cao năng lực và phát triển đội ngũ bán hàng đến từng khu vực và đồng thời kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường nhằm cung cấp giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả, an toàn với môi trường cho các cây trồng chủ lực ở khu vực Tây Nam Bộ, khẳng định uy tín của của PVFCCo-SW trên thị trường.

Đồng thời với ưu thế là đơn vị phân phối hàng của Tổng Công ty, sản phẩm Công ty được mang thương hiệu phân bón Đạm Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước.

Ngoài ra, để quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Công ty trong tiềm thức của

người tiêu thụ, Công ty kết hợp quảng bá hình ảnh và thương hiệu của mình thông qua các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi dựa trên nền tảng thương hiệu Tổng Công ty với đặc thù riêng cho PVFCCo-SW, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tổ chức các hội thảo với khách hàng hàng năm nhằm duy trì và tạo mối quan hệ sâu rộng với khách hàng Công ty.

Công ty tiếp tục triển khai việc lắp bảng hiệu mới tại các Đại lý/Cửa hàng trực thuộc hệ thống, tích cực và chủ động hỗ trợ trong công tác bán hàng cho các Đại lý/Cửa hàng trong hệ thống phân phối để ngăn chặn hiện tượng hàng gian, hàng giả góp phần ngày càng củng cố thương hiệu của Tổng Công ty và Công ty.

Công ty cũng đã xây dựng và hoàn thiện trang web riêng như là một kênh thông tin chính thức đến các đối tác và cổ đông của Công ty.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty :



Công ty đăng ký và đóng phí sử dụng hàng năm nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết đến thời điểm hiện nay:

| ST T | Khách mua hàng | Nội dung hợp đồng | Giá trị (đồng) | Thời gian thực hiện Hợp đồng | |
|---------|------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------------------|------------|
| | | | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | DNTN Hưng Thạnh | Bán DAP | 5.804.567.500 | 04/05/2015 | 15/05/2015 |
| 2 | Cty TNHH Hữu Thành 1 | Bán Ure PM | 3.625.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 3 | DNTN Thu Dung | Bán Ure PM | 2.175.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 4 | DNTN Kim Hoàng | Bán Ure PM | 4.350.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 5 | DNTN Hưng Thạnh | Bán Ure PM | 7.975.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 6 | Cty TNHH TM Nguyễn Khoa | Bán Ure PM | 4.350.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 7 | Cty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên | Bán Ure PM | 3.625.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 8 | DNTN Tư Long | Bán Ure PM | 3.625.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 9 | DNTN Tường Dung | Bán Ure PM | 3.842.500.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |

| ST T | Khách mua hàng | Nội dung hợp đồng | Giá trị (đồng) | Thời gian thực hiện Hợp đồng | |
|---------|-------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|------------|
| | | | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 10 | DNTN Việt Nga | Bán Ure PM | 3.625.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 11 | Cty TNHH Út Nữ | Bán Ure PM | 4.350.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 12 | DNTN Trần Thị Ngoan | Bán Ure PM | 2.175.000.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 13 | DNTN Phân Bón Tân Thành | Bán Ure PM | 1.957.500.000 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 14 | Cty TNHH TM Nguyễn Khoa | Bán DAP | 2.878.300.500 | 06/05/2015 | 15/05/2015 |
| 15 | Cty TNHH TM Nguyễn Khoa | Bán DAP | 3.793.976.500 | 11/05/2015 | 20/05/2015 |
| 16 | DNTN Hưng Thạnh | Bán Ure PM | 3.625.000.000 | 12/05/2015 | 15/05/2015 |
| 17 | Cty TNHH Hữu Thành 1 | Bán Ure PM | 2.175.000.000 | 14/05/2015 | 20/05/2015 |
| 18 | DNTN Tường Dung | Bán Ure PM | 1.812.500.000 | 14/05/2015 | 20/05/2015 |
| | Tổng cộng | | 65.764.344.500 | | |

Nguồn: PVFCCo-SW

Ngoài những hợp đồng có giá trị lớn như trên, Công ty còn ký kết những Hợp đồng có giá trị dưới 1,8 tỷ đồng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh của PVFCCo-SW trong năm 2013, 2014 và Quý 1/2015:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | 2014 tăng, giảm so với 2013 | Quý I/2015 |
|------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------|------------|
| Tổng Giá trị tài sản | 234.347 | 268.735 | 14,67% | 298.853 |
| Vốn chủ sở hữu | 212.716 | 214.294 | 0,74% | 219.240 |
| Doanh thu thuần | 2.890.025 | 2.548.198 | -11,83% | 569.595 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 40.606 | 40.914 | 0,76% | 7.460 |
| Lợi nhuận khác | 18 | 3 | -84,50% | - |

| | | | | |
|----------------------------|--------|--------|-------|-------|
| Lợi nhuận trước thuế | 40.624 | 40.917 | 0,72% | 7.460 |
| Lợi nhuận sau thuế | 30.394 | 31.887 | 4,91% | 5.819 |
| Tỷ lệ cổ tức | 15% | 14% | | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 84% | 75% | | |
| Tỷ lệ LNST/VCSH BQ | 14,29% | 14,94% | | |

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2014 và BCTC Quý 1/2015 của PVFCCo-SW

Doanh thu hàng năm của Công ty phát sinh chính từ hoạt động phân phối phân Urê do nhà máy đạm Phú Mỹ cung cấp (chiếm trên 60% doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ), bên cạnh đó Công ty còn kinh doanh một số mặt hàng (phân SA, phân DAP, phân Kali, NPK, Phân Urê nhập khẩu...) do Tổng công ty nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu phân bón trong vùng và cung cấp một số dịch vụ như vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, cho thuê văn phòng, tổ chức hội thảo cho nông dân...

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2014 giảm 11,83% so với năm 2013 do giá bán các sản phẩm giảm từ 7-13% trong khi sản lượng tiêu thụ của Công ty vẫn tương đối ổn định. Tuy nhiên do nguồn cung phân bón ngày càng dồi dào nên giá vốn phân bón Công ty nhập về giảm nhiều so với trước, với tốc độ giảm cao hơn tốc độ giảm của giá bán. Thêm vào đó, việc cắt giảm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2014 đã giúp các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty tăng so với năm 2013. Công ty vẫn duy trì được tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ở mức tương đối cao và ổn định, đạt 14,29% trong năm 2013 và 14,94% trong năm 2014. Đồng thời, tỷ lệ trả cổ tức cũng được duy trì ổn định 15% trong năm 2013 và 14% trong năm 2014.

Quý 1/2015 doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty đạt hơn 569 tỷ đồng (tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2014), lợi nhuận sau thuế đạt hơn 5,8 tỷ đồng (giảm 1,25% so với cùng kỳ năm 2014 do chi phí trong kỳ tăng nhẹ).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

7.2.1. Yếu tố thuận lợi

- Là công ty con của Tổng Công ty Phân bón hóa chất Dầu khí – CTCP, Công ty được mang logo ngọn lửa của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và phân phối các sản phẩm mang thương hiệu phân bón Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước. Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Tổng Công ty.
- Nguồn hàng được cung cấp chủ yếu từ Tổng Công ty luôn đảm bảo về chất lượng và ổn định. Hàng hóa được phân phối từ kho của Tổng Công ty với hệ thống kho bãi phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm.
- Công ty được giao khai thác thị trường phân bón khu vực Tây Nam Bộ, đây là vựa lúa và cây ăn trái lớn nhất Việt Nam, bên cạnh đó, ĐBSCL là vùng trọng điểm an ninh lương thực

quốc gia và xuất khẩu lúa gạo của cả nước. Năm 2014 ĐBSCL có diện tích gieo trồng lúa khoảng 4,25 triệu ha, sản lượng khoảng 25,06 triệu tấn. Hoạt động sản xuất lúa ngày càng theo hướng hiện đại. Tập quán sản xuất ngày càng được cải tiến với các chương trình 3 giảm – 3 tăng, 1 phải – 5 giảm, VietGAP... đã và đang đem lại lợi ích tốt hơn cho người nông dân và môi trường.

- Ngoài ra, các tỉnh thuộc Campuchia nằm dọc biên giới Việt Nam cũng có tập quán canh tác tương tự như ĐBSCL, gồm Takeo, Kandal, Svay rieng. Campuchia định hướng trở thành nước xuất khẩu lúa gạo đứng thứ 3 thế giới. Do đó, vùng ĐBSCL và các tỉnh của Campuchia sát biên giới Tây Nam Bộ là một thị trường rộng lớn và bền vững đối các nhà phân phối phân bón của Việt Nam.

- Công ty áp dụng mô hình quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 giúp đảm bảo chất lượng sản phẩm phân bón.

- Kể từ năm 2010 trở về trước, Công ty là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí nên hoạt động phân phối dưới sự chỉ đạo của Tổng Công ty và chịu sự điều chỉnh của chính sách nhà nước về bình ổn giá phân bón trong nước. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty kém linh hoạt. Kể từ ngày 01/01/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đã mở ra cơ hội và thách thức mới cho Ban lãnh đạo của Công ty trong việc điều hành theo cơ chế mới và linh hoạt, hiệu quả hơn trong các hoạt động kinh doanh.

- Lực lượng lao động của Công ty trẻ, có trình độ, năng động, có trách nhiệm và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Cổ đông là đại lý của Công ty đã đóng góp từ 64-70% doanh thu cho Công ty, đây là sự đảm bảo việc tiêu thụ sản phẩm phân bón được ổn định.

7.2.2. Yếu tố khó khăn

- Thị trường urê từ trạng thái cầu lớn hơn cung trước năm 2013 đã chuyển sang trạng thái nguồn cung lớn hơn nhu cầu dẫn đến thị trường cạnh tranh gay gắt, đặc biệt cạnh tranh về giá. Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón nói chung và PVFCCo SW nói riêng phải cạnh tranh với thị trường phân bón nhập khẩu, đặc biệt là Trung Quốc do Trung Quốc giảm thuế xuất khẩu. Việc cạnh tranh gay gắt làm cho Công ty phải áp dụng chính sách bán hàng trả chậm, điều này làm tăng các khoản phải thu khách hàng tương ứng.

- Các doanh nghiệp kinh doanh phân bón phải đối mặt với tình trạng phân bón giả, kém chất lượng với giá thành rẻ hơn.

- Địa bàn phân phối rộng nhưng nhân viên thị trường mỏng nên gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giám sát hệ thống phân phối và thu thập thông tin thị trường.

- Thị trường phân bón trong nước và thế giới trong thời gian qua diễn biến không thuận lợi, giá bán trong xu thế giảm, theo đánh giá thời gian tới giá phân bón tiếp tục đi ngang khó có

khả năng tăng đột biến.

-Xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực gặp nhiều khó khăn, giá các loại nông sản không được như kỳ vọng của bà con nông dân, lợi nhuận thấp, nên bà con nông dân hạn chế đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón giảm.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thị trường khai thác chính của PVFCCo là khu vực Tây Nam Bộ, đây là vùng cây trồng trọng điểm của cả nước về sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm 25,6% diện tích đất nông nghiệp của cả nước, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm 43,1% diện tích đất trồng cây lâu năm của cả nước. Là khu vực được thiên nhiên ưu đãi thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, là những cây có nhu cầu lớn và chủ yếu về phân Urê, NPK, Kali, SA ... Thị trường tiêu thụ phân bón Phú Mỹ chiếm 60-70% thị phần phân bón trong khu vực, trong đó Ure Phú Mỹ chiếm 62,17% tổng số các mặt hàng Ure.

Với ưu thế là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty được sử dụng thương hiệu của Tập đoàn và Tổng Công ty trong hoạt động của mình nhờ đó việc xây dựng thương hiệu riêng cho PVFCCo tại Tây Nam Bộ có nhiều thuận lợi. Mặc khác sản phẩm của Công ty phân phối được mang thương hiệu phân bón Phú Mỹ đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón tại Việt Nam và khu vực lân cận. Đó là tiền đề vững chắc cho Công ty hướng đến mục tiêu phát triển PVFCCo-SW trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ về kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí.

Trong năm 2014, PVFCCo-SW đã cung cấp 320.000 tấn phân bón cho khu vực ĐBSCL, riêng Urê Phú Mỹ cung cấp 220.000 tấn chiếm 26% tổng lượng Urê Phú Mỹ bán ra của Tổng Công ty. Xét về thị phần cung cấp Urê cho khu vực ĐBSCL, PVFCCo-SW chiếm 30% thị phần, còn lại là các nhà cung cấp khác.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển của ngành phân bón nước ta

Trong thời kỳ nền kinh tế suy thoái, các doanh nghiệp sản xuất khác thu hẹp hoạt động kinh doanh, người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu, thì mức tiêu thụ phân bón vẫn được duy trì tương đối ổn định do phân bón thiết yếu cho sự tăng trưởng của cây trồng. Thêm vào đó, đất nước ta là một nước nông nghiệp, ngành nông nghiệp đóng góp 18-22% vào GDP cả nước (Nguồn: www.tapchicongsan.org.vn). Theo thống kê thì tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp của nước ta đạt trên 11 triệu ha, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm dự báo đạt từ 3,5%-4% trong 05 (năm) năm kể từ năm 2015 (Nguồn: ĐTCK). Xu hướng phát triển hiện tại của nông nghiệp Việt Nam tập trung vào nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy

ngành sản xuất phân bón phát triển. Theo số liệu thống kê, nhu cầu phân bón hàng năm tăng trung bình 3%/năm, trong đó NPK có tốc độ tăng nhanh nhất là 7%/năm.

Tuy nhiên, do xu hướng giảm giá phân bón trên thế giới cũng như xu hướng tăng giá nguyên liệu sản xuất đầu vào đã làm tăng trưởng doanh thu của ngành chững lại.

Từ nay cho đến năm 2018, ngành phân bón dự kiến sẽ có những tín hiệu tích cực trong tình hình hoạt động kinh doanh và phát triển. Tuy nhiên, lợi nhuận của ngành sẽ tăng trưởng với tốc độ chậm hơn trong những năm vừa qua, nguyên nhân là do việc thừa nguồn cung về phân đạm và phốt pho sẽ làm giảm giá các mặt hàng này, đồng thời nguyên liệu sản xuất đầu vào có xu hướng tăng giá.

Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Tây Nam Bộ

ĐBSCL là vựa lúa và cây ăn trái lớn nhất Việt Nam. Hoạt động sản xuất lúa ngày càng theo hướng hiện đại. Tập quán sản xuất ngày càng được cải tiến với các chương trình 3 giảm – 3 tăng, 1 phải – 5 giảm, VietGAP... đã và đang đem lại lợi ích tốt hơn cho người nông dân và môi trường. Diện tích canh tác lúa tại ĐBSCL năm 2015 dự kiến là 4.143 ngàn ha. Định hướng qui hoạch đất trồng lúa của ĐBSCL tới 2020 - 2030 “giữ ổn định 3,8 triệu ha, trong đó 3,2 triệu ha đất sản xuất 2 vụ trở lên”. ĐBSCL là vùng trọng điểm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu lúa gạo của cả nước.

Theo Chiến lược phát triển lúa và sản xuất lúa gạo ĐBSCL, sản xuất lúa gạo tại ĐBSCL theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, dựa trên cơ giới hoá, tự động hoá từ gieo trồng - thu hoạch - chế biến. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu gồm : (1) giải pháp công nghệ trong chọn tạo giống lúa để kháng sâu bệnh và nâng cao chất lượng, (2) giải pháp kỹ thuật sản xuất lúa thích ứng cho hội nhập kinh tế và sự biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng thực hiện kỹ thuật canh tác lúa bền vững (3 giảm – 3 tăng, 1 phải – 5 giảm, GAP...), ứng dụng công nghệ sau thu hoạch và chế biến để giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao năng lực chuyên môn cho nông dân v.v... Quan điểm phát triển và thực hiện các giải pháp kỹ thuật là: “liên kết vùng và tham gia 04 (bốn) nhà để đảm bảo mục tiêu vùng ĐBSCL là vùng trọng điểm an ninh lương thực; gia tăng thu nhập và ổn định cuộc sống cho người nông dân sản xuất và tiêu thụ lúa gạo mang tính bền vững. Do vậy Công ty luôn bám sát chiến lược này.

Sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL đang phát triển mạnh, tình hình tích tụ ruộng đất đang phát triển, nhưng bị hạn chế bởi hạn điền 3 ha (theo qui định của pháp luật), tuy nhiên số hộ có dưới 0,5 ha đất sản xuất chiếm 16,97 %, từ 0,5 – 1 ha có 26,97 %, từ 1-2 ha có 32,36 %, từ 2-3 ha có 15,39 %, từ 3-5 ha có 6,14 %, trên 5 ha có 2,17 %. Tích tụ ruộng đất sẽ làm xuất hiện những hộ sản xuất lớn – đó là những khách hàng quan trọng của Công ty trong tương lai.

Ngoài ra, các tỉnh thuộc Campuchia nằm dọc biên giới Việt Nam có tập quán canh tác tương tự như ĐBSCL, gồm Takeo, Kandal, Svay Rieng có diện tích canh tác khoảng 515.000 ha (trong đó Kandal khoảng hơn 100.000 ha, Takeo khoảng 240.000 ha và Svay Rieng khoảng hơn 175.500 ha) hiện đang nhập khẩu hoàn toàn phân bón theo đường chính ngạch hoặc theo

đường mậu biên. Campuchia định hướng trở thành nước xuất khẩu lúa gạo đứng thứ 3 thế giới. Do đó vùng ĐBSCL và các tỉnh của Campuchia sát biên giới Tây Nam Bộ là một thị trường rộng lớn và bền vững đối với các nhà phân phối phân bón của Việt Nam và Công ty.

Nhận thấy triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Tây Nam Bộ, từ năm 2004, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã thành lập một đơn vị tại Cần Thơ – tiền thân của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, có nhiệm vụ phân phối sản phẩm Urê “Đạm Phú Mỹ” và các mặt hàng phân bón khác cho thị trường ĐBSCL. ĐBSCL là thị trường phân bón lớn nhất cả nước, do đó có nhiều nhà cung cấp lớn như Công ty phân bón Miền Nam, TSC Cần Thơ, Công ty phân bón Bình Điền...

• **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

So sánh kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty với một số công ty trong ngành năm 2014

| Mã CP | Tên doanh nghiệp | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) | Tổng tài sản (triệu đồng) | Tỷ lệ Nợ phải trả/TT S | Doanh thu thuần (triệu đồng) | Tỷ lệ Lợi nhuận gộp/DT T | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | ROA | ROE |
|-------|--|--------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------|--------|
| NFC | CTCP Phân lân Ninh Bình | 104.876 | 210.298 | 322.161 | 34,72% | 682.933 | 21,9% | 36.468 | 12,46 % | 17,60% |
| LAS | CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao | 778.320 | 1.496.019 | 2.650.182 | 43,55% | 4.985.068 | 22,6% | 438.723 | 16,15 % | 30,25% |
| TSC | CTCP Vật tư Kỹ thuật NN Cần Thơ | 158.129 | 276.814 | 420.021 | 34,10% | 475.225 | 22,1% | 61.766 | 16,43 % | 30,54% |
| PSE | CTCP Phân bón và Hóa chất DK Đông Nam Bộ | 125.000 | 163.171 | 272.171 | 40,05% | 2.821.395 | 3,9% | 29.570 | 9,63% | 18,34% |
| PSW | CTCP Phân bón và Hóa chất DK Tây Nam Bộ | 170.000 | 214.294 | 268.735 | 20,26% | 2.548.198 | 3,0% | 31.887 | 12,68 % | 14,94% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của các công ty)

✓ Về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

Tuy ngành phân bón trong năm vừa qua vẫn có tăng trưởng lợi nhuận, song mức tăng

trường đã bị chậm lại, nguyên nhân là do Việt Nam đã dư cung phân bón từ việc thành lập nhà máy phân bón Cà Mau và nhà máy phân bón Ninh Bình trong năm 2012, với công suất lần lượt là 800.000 tấn và 560.000 tấn một năm. Thêm vào đó, xu hướng giá phân bón thế giới giảm, giá nguyên liệu đầu vào tăng lên cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

Tuy giai đoạn vừa qua gặp nhiều khó khăn, song PVFCCo SW cũng đã duy trì được mức doanh thu, lợi nhuận khá cao, và đã tạo ra được tỷ suất sinh lợi trên tài sản (cụ thể là 12,68%) cao hơn một số doanh nghiệp cùng ngành (NFC, PSE). Tuy nhiên, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 14,94% thấp hơn một số doanh nghiệp cùng ngành (NFC, TSC, PSE) do vốn điều lệ của Công ty cao hơn các doanh nghiệp trên trong khi lợi nhuận sau thuế lại thấp hơn hoặc gần tương đương.

Công ty có doanh thu lớn hơn một số doanh nghiệp như NFC, TSC nhưng lợi nhuận lại thấp hơn là do các công ty này có thể tự sản xuất (NFC) hay tự nhập khẩu phân bón (TSC), tức là họ tự chủ được nguồn phân bón. Trong khi đó, PVFCCo SW là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVFCCo, nguồn hàng hầu như lấy từ Tổng Công ty và chịu sự điều phối nhất định từ Tổng Công ty.

Ngoài ra, trong các doanh nghiệp nói trên thì PSW là công ty có hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản nhỏ nhất và hoàn toàn không có nợ vay ngân hàng.

✓ *Về năng lực quản lý điều hành*

Cổ đông lớn cũng là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành phân bón cũng như trong quản lý, do đó, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ quý báu về mặt tài chính, kinh nghiệm cũng như quản trị doanh nghiệp từ Công ty mẹ PVFCCo.

✓ *Về loại hình kinh doanh*

Ngoài kinh doanh phân bón, hiện nay Công ty đang ngày càng đẩy mạnh mảng kinh doanh hóa chất trước, rồi mới đến mảng kinh doanh nông dược.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

• **Định hướng phát triển của Công ty**

Công ty phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón, nông dược số một tại ĐBSCL, chủ động tích cực tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo, cụ thể như sau:

Hệ thống kênh phân phối hợp tác chặt chẽ, hiệu quả.

Kho hàng phủ rộng các địa bàn trọng điểm, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thời vụ.

Tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ các giải pháp canh tác.

Thị phần Urê tối thiểu đạt 65% thị phần của khu vực ĐBSCL.

Cung cấp các sản phẩm phân bón, nông dược ổn định, kịp thời, tin cậy, giá bán hợp lý kèm theo các giải pháp giúp sử dụng hiệu quả sản phẩm, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh doanh, góp phần phát triển bền vững nông nghiệp ĐBSCL và lợi ích của các cổ đông.

• **Định hướng phát triển ngành phân bón**

Hình thành hệ thống sản xuất phân bón với công nghệ hiện đại, quy mô lớn và hệ thống phân phối an toàn, hiệu quả nhằm cung ứng đủ về số lượng và chủng loại phân bón với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu trong bối cảnh diện tích canh tác ngày càng bị thu hẹp do biến đổi khí hậu, đô thị hóa và dân số tăng cao ... cụ thể:

- Dần dần đáp ứng nhu cầu về phân đạm, phân lân, phân kali, các loại phân bón trung lượng và vi sinh;
- Tổ chức hệ thống các cơ sở sản xuất phân hỗn hợp NPK hợp lý, có tổ chức với chất lượng tốt, giá thành hợp lý phù hợp yêu cầu của từng đối tượng cây trồng, từng vùng đất;
- Bố trí hệ thống phân phối hợp lý, an toàn, đảm bảo cung ứng kịp thời các loại phân bón cho nông dân với giá cả hợp lý;
- Đảm bảo thị trường phân bón trong nước ổn định, không có sản phẩm kém chất lượng, không gây hiện tượng sốt hàng hoặc đôn giá.

• **Đánh giá về sự phù hợp:**

Với chiến lược tập trung phát triển có trọng điểm, thực hiện đúng như cam kết, xây dựng hệ thống phân phối hiệu quả làm tăng giá trị đồng thời cho đối tác, người nông dân và Công ty, có thể thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 12/05/2015, tổng số lao động của Công ty là 65 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

| Nội dung phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|-------------------------|------------------|
| Phân theo giới tính | | |
| - Nam | 48 | 73,8% |
| - Nữ | 17 | 26,2% |
| Phân theo thời hạn hợp đồng lao động | | |

| Nội dung phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|-------------------------|------------------|
| Hợp đồng lao động không xác định | 64 | 98,5% |
| Hợp đồng lao động có thời hạn xác định 1-3 năm | 01 | 1,5% |
| Hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm | 0 | |
| Phân theo trình độ chuyên môn | | |
| - Trên Đại học | 5 | 7,7% |
| - Đại học | 51 | 78,4% |
| - Cao đẳng, trung cấp | 5 | 7,7% |
| - Lao động phổ thông | 4 | 6,2% |
| TỔNG CỘNG | 65 | |
| Lương bình quân/người (triệu đồng/tháng) | 20,01 | |
| <i>Nguồn: PVFCCo-SW</i> | | |

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhìn nhận đúng đắn vấn đề đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng trong công tác tuyển chọn nhân sự, đào tạo phát triển nguồn nhân lực lâu dài đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nhân lực của Công ty qua các năm đều tăng cả về số lượng và chất lượng. Nhìn chung trình độ của nguồn nhân lực Công ty đang sử dụng tương đối cao và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Do đặc thù của ngành và tính chất công việc nên Công ty sử dụng nhiều lao động nam hơn nữ, tỷ lệ nam giới luôn chiếm trên 71% tổng số lao động của Công ty.

9.2. Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác

9.2.1. Chính sách đào tạo

➤ Mục tiêu đào tạo:

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc đề ra cả về số lượng và chất lượng;
- Áp dụng hệ thống quản lý nhân sự theo các chuẩn mực quốc tế, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh cho CBCNV;
- Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn có trình độ cao trong các lĩnh vực then chốt: quản lý điều hành, quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị công tác bán hàng...

9.2.2. Chính sách lương

Công ty thực hiện xây dựng và áp dụng Quy chế lương, thưởng, hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên; thực hiện việc trả công, trả lương cho người lao

động gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong kinh doanh.

9.2.3. Các chính sách đãi ngộ khác

- Công ty luôn coi trọng việc xây dựng và cải tiến môi trường làm việc. Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng mua bảo hiểm tai nạn con người trách nhiệm cao với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI); Bảo hiểm tích lũy hưu trí với Công ty Bảo Việt nhân thọ Sài Gòn cho CBCNV.
- Công ty rất quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong điều kiện và khả năng của Công ty, tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát hàng năm.
- Ngoài ra, Công ty rất chú trọng trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo và khuyến khích CBCNV học tập, nâng cao trình độ để làm việc lâu dài tại Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới, nhưng không cao hơn tỷ lệ do Hội đồng quản trị đề xuất.

Tình hình chi trả cổ tức qua các năm như sau:

Đơn vị tính: %

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 |
|--------------------------------|----------|----------|
| Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền | 15% | 14% |

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014, 2015

Công ty đã thanh toán cổ tức cho năm 2013 và cổ tức đợt 1 năm 2014, Công ty sẽ thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2014 từ ngày 30/06/2015.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ) và bất động sản đầu tư

Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư của Công ty được trích phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| STT | Loại tài sản | Thời gian khấu hao ước tính |
|-----|--------------------------|-----------------------------|
| | | (năm) |
| 1 | Nhà cửa và vật kiến trúc | 6-10 |
| 2 | Phương tiện vận tải | 6 |
| 3 | Thiết bị văn phòng | 3-7 |

- Tài sản cố định vô hình của Công ty phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

11.1.2. Mức lương bình quân

Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong Công ty. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty luôn luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV, đồng thời thu hút nhân tài và gắn kết CBCNV lâu dài với Công ty.

Tiền lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2013 là 18,6 triệu đồng/người, năm 2014 là 19,71 triệu đồng/người, mức lương bình quân của công ty cao hơn nhiều so với các doanh nghiệp khác cùng ngành và cùng địa bàn.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định. Tính đến thời điểm 31/03/2015, Công ty không có khoản nợ phải trả nào quá hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/03/2015:

ĐVT: triệu đ

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 31/03/2015 |
|------------------|--------------|--------------|--------------|
| Thuế TNDN | 2.997 | 2.238 | 1.641 |
| Thuế TNCN | 25 | 127 | 46 |
| Tổng cộng | 3.022 | 2.365 | 1.687 |

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1/2015 tự lập của PVFCCo-SW

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/03/2015

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 31/03/2015 |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 9.475 | 9.475 | 17.327 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 6.257 | 7.852 | - |
| Quỹ khen thưởng – phúc lợi | 2.422 | 2.632 | 2.239 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 26.984 | 26.967 | 31.913 |
| Tổng cộng | 45.138 | 46.926 | 51.478 |

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1/2015 tự lập của PVFCCo-SW

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty PVFCCo SW hầu như không sử dụng vốn vay mà chỉ sử dụng vốn tự có để tiến hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong năm 2012, Công ty có vay một khoản 20 tỷ đồng, tuy nhiên, đây là khoản vay ngắn hạn trong năm và đã được tất toán hết trong năm 2013. Do vậy, Công ty không bị áp lực trả nợ và lãi vay.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 đã kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý 1/2015, tình hình công nợ của Công ty như sau:

- **Các khoản phải thu:**

ĐVT: triệu đ

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 31/03/2015 |
|-------------------------|---------------|---------------|----------------|
| Phải thu khách hàng | 6.621 | 75.456 | 106.620 |
| Trả trước cho người bán | 3.136 | 28 | 2.676 |
| Các khoản phải thu khác | 421 | 251 | 708 |
| Tổng cộng | 10.178 | 75.735 | 110.003 |

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1/2015 tự lập của PVFCCo-SW

Khoản Phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2014 và 31/03/2015 tăng cao đột biến so với năm 2013, nguyên nhân là do trong năm 2013, Công ty còn áp dụng chính sách bán hàng trả tiền trước với các đại lý, tuy nhiên sang năm 2014, do sự cạnh tranh gay gắt về giá cả phân bón với các doanh nghiệp khác, Công ty đã bắt đầu thực hiện chính sách bán hàng cho nợ đối với các đại lý và khách hàng. Thời gian cho nợ cũng kéo dài, trước đây từ 5-10 ngày, hiện nay lên tới 30-40 ngày. Tất cả các khoản dư nợ phải thu nói trên đều chưa đến hạn thanh toán.

- **Các khoản phải trả (không bao gồm các khoản vay):**

DVT: triệu đ

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 31/03/2015 |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | 21.631 | 54.441 | 79.613 |
| Phải trả cho người bán | 7.410 | 33.707 | 53.219 |
| Người mua trả tiền trước | 574 | 897 | 17.501 |
| Thuế và các khoản phải nộp cho NN | 3.022 | 2.365 | 1.687 |
| Phải trả người lao động | 3.849 | 3.485 | 40 |
| Chi phí phải trả | 717 | 266 | 89 |
| Phải trả phải nộp khác | 3.637 | 11.087 | 4.838 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.422 | 2.632 | 2.239 |
| Tổng cộng | 21.631 | 54.441 | 79.613 |

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1/2015 tự lập của PVFCCo-SW

Khoản phải trả người bán chủ yếu bao gồm khoản phải trả cho tiền mua phân bón của Tổng Công ty và các đối tác khác. Khoản phải trả người bán tăng cao chủ yếu là phải trả cho Tổng Công ty, nguyên nhân do trước đây Tổng Công ty cho PVFCCo SW nợ 5-10 ngày, nhưng hiện nay Tổng Công ty đã tăng thời gian cho nợ lên 30 đến 45 ngày. Tất cả các khoản dư nợ phải trả nói trên đều chưa đến hạn thanh toán.

Các khoản phải trả, phải nộp khác tại 31/12/2014 tăng 204,84% so với 31/12/2013 chủ yếu do khoản phải trả chiết khấu thương mại tăng cao, do trong năm 2014 Công ty thực hiện chính

sách chi chiết khấu cho khách hàng với tỉ lệ cao hơn các năm trước, kéo theo khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong năm 2014 tăng mạnh (tăng 17,3 tỷ đồng so với năm 2013).

11.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty trong năm 2013, 2014:

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 31/12/2014 |
|---|------------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ / Nợ ngắn hạn) | 9,22 | 4,03 |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 5,83 | 2,63 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 9,23% | 20,26% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 10,17% | 25,40% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (lần) | 46,18 | 32,98 |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | 11,41 | 10,13 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 1,05% | 1,25% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | 14,29% | 14,94% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA) | 12,00% | 12,68% |
| - Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 1,41% | 1,61% |

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán của PVFCCo-SW

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------|---------------------------------|
| 1 | Phạm Quý Hiền | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Nguyễn Đức Hiền | Thành viên HĐQT/Giám đốc |
| 3 | Trần Văn Thắng | Thành viên HĐQT/Phó giám đốc |
| 4 | Đoàn Quốc Thịnh | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5 | Hoàng Văn Nhã | Thành viên HĐQT độc lập |

1. Ông PHẠM QUÝ HIỀN Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/11/1968

CMND : 024 637 776Nơi cấp: CATP.HCM Ngày cấp:05/05/2015

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : An Ninh, Tiền Hải, Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 32B/1 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 0913678250

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------------|---|--|
| 3/1986 – 12/1988 | Lữ đoàn 874, QK7 (tại Đồng Nai). | Tiểu đội trưởng, Trung đội phó huân luyện chiến sĩ mới tại Đại đội 5, Tiểu đoàn 2 |
| 01/1989 – 8/1994 | Văn phòng Chính phủ tại TP.HCM. | Công nhân viên Công ty Phục vụ chuyên gia |
| 9/1994 – 5/2006 | XN Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn, thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrovietnam). | Trưởng Phòng Tiếp tân; Phó Trưởng phòng – Phụ trách Phòng Kinh doanh |
| 6/2006- 5/2008 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | Chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu; |
| 6/2008- 10/2008 | Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo Trading) | Trưởng Phòng Kinh doanh |
| 11/2008- 7/2010 | Tổng Cty Phân bón và Hoá chất Dầu khí (PVFCCo) | Phó trưởng Ban Tiếp thị truyền thông; Phó trưởng Ban Thương mại Thị trường, kiêm Trưởng Phòng Quản lý kinh doanh XNK; Kiêm nhiệm Chi ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ khối Thương mại - Đảng bộ cơ quan. |
| 3/2010 – 3/2011 | Công ty CP Thể thao – Văn hóa Dầu khí | Ủy viên HĐQT Công ty CP Thể thao – Văn hóa Dầu khí. |
| 8/2010 -7/2011 | Văn phòng đại diện của PVFCCo tại Campuchia | Trưởng Văn phòng đại diện của PVFCCo tại Campuchia |
| 8/2011- 6/2013 | Chi nhánh PVFCCo tại Campuchia | Bí thư chi bộ và Giám đốc Chi nhánh PVFCCo tại Campuchia |
| 07/2013 – đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ; | Bí thư Chi bộ và Chủ tịch HĐQT công ty |

Chức vụ đang nắm giữ tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:



CTCP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

+ Đại diện sở hữu : 5.100.000 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ
choPVFCCo

+ Cá nhân sở hữu : 11.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

+ Những người có liên
quan

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|---|--|------------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP | Chủ sở hữu vốn do Ông Phạm Quý Hiền là đại diện sở hữu | 12.750.000 | 75% |

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với tổ
chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác
nhận được từ tổ chức đăng
ký niêm yết : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và
Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với tổ
chức đăng ký niêm yết : Không có

2. Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN

Thành viên Hội đồng quản trị/Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 13/04/1969

CMND : 024797522 Nơi cấp: CATP.HCM Ngày cấp: 01/08/2007

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú : CC 49/1 Hồ Biểu Chánh P.12 Q.Phú nhuận TP.HCM

Số ĐT liên lạc : 0903. 001 629

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------|-----------------|---------|
|-----------|-----------------|---------|

| | | |
|-------------------|--|--|
| 10/2002 – 02/2004 | Ban dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ. | Chuyên viên phòng Thương mại |
| 02/2004 – 08/2006 | Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí | Cửa hàng trưởng Cửa hàng quận 7 |
| 08/2006 – 09/2007 | Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng phòng Kinh doanh kiêm Cửa hàng trưởng Cửa hàng Q7 |
| 09/2007 – 10/2007 | Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng phòng Kinh doanh kiêm Trưởng Cửa hàng Q7 |
| 10/2007 - 08/2008 | Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón Miền Đông Nam Bộ | Giám đốc |
| 09/2008 - 01/2011 | Công ty TNHH 1TV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Đông Nam Bộ | Phó Giám đốc |
| 01/2011 – 06/2013 | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Giám đốc |
| 06/2013 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên HĐQT, Giám đốc |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : –Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

+ Đại diện sở hữu cho PVFCCo : 2.125.000 cổ phần, chiếm 12,5% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu : 13.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-----------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất | Chủ sở hữu | 12.750.000 | 75% |



CTCP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

| | | | |
|--------------|---|--|--|
| Dầu khí-CTCP | vốn do Ông Nguyễn Đức Hiền là đại diện sở hữu | | |
|--------------|---|--|--|

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3. Ông TRẦN VĂN THẮNG

Thành viên Hội đồng quản trị / Phó giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 16/08/1972

CMND : 025598333 Nơi cấp: CA.TP. HCM Ngày cấp:10/02/2012

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Dị Chế - Tiên Lữ - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Phòng 1701- C1 Chung cư Imperia An Phú, Phường An Phú, Q2, TPHCM

Số ĐT liên lạc : 0908. 233534

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư trồng trọt, Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|----------------------------|
| 7/1995-4/1998 | Lâm trường Văn Bàn- Lào Cai, | Chuyên viên Kinh doanh |
| 5/2000-12/2001 | Côngty TM-SX Bà Lá Xanh, | Giám đốc khu vực Miền Bắc |
| 1/2002-3/2004 | Ban QLDA nhà máy đạm Phú Mỹ, | Chuyên viên ban Thương Mại |
| 4/2004 - 4/2012 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng ban Phânbón |



CTCP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

| | | |
|-----------------|---|-------------------------------|
| 4/2012 – 4/2014 | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Phó Giám đốc công ty |
| 4/2014 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc |

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu : 2.125.000 cổ phần, chiếm 12,5% vốn điều lệ choPVFCCo

+ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Những người liên quan

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|--|---|---------------------|-------------------|
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP | Chủ sở hữu vốn do Ông Trần Văn Thắng là đại diện sở hữu | 12.750.000 | 75% |

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

4. Ông ĐOÀN QUỐC THỊNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/07/1980

CMND :025948465 Nơi cấp: TP.HCM Ngày cấp: 22/11/2014

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : Quy Nhơn, Bình Định



CTCP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Địa chỉ thường trú : 58/22/69 Phan Chu Trinh, P.24, Q.Bình Thạnh, HCM

Số ĐT liên lạc : 0908828787

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|-------------------------|
| 4/2004- 9/2004 | Bảo hiểm Dầu Khí HCM | Nhân viên Kinh doanh |
| 9/2004-3/2005 | Nhà Máy Đạm Phú Mỹ | Cán bộ Phòng Giao nhận |
| 4/2005 - 8/2008 | Phòng Điều Phối Giao Nhận -PVFCCo | Chuyên viên |
| 8/2008 đến nay | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | Phó Ban phân bón |
| 01/2011 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên HĐQT Công ty |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Ban Phân bón Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Đại diện sở hữu cho PVFCCo : 3.400.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Những người liên quan

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|--|--|---------------------|-------------------|
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP | Chủ sở hữu vốn do Ông Đoàn Quốc Thịnh là đại diện sở hữu | 12.750.000 | 75% |

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

BẢN CÁO BẠCH

5. Ông HOÀNG VĂN NHÃ

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1957

CMND :023820981 Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh
Ngày cấp: 21/07/2000

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 1/8 Đỗ Sơn, P.4, Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc : 0908 283 012

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|--|--|
| 1975-1977 | Quân chủng không quân | Nhập ngũ E921 F371 KQ |
| 1977-1979 | Quân chủng không quân | Học viên trường hàng không VN |
| 1979-1999 | Quân chủng phòng không không quân | Sỹ quan F370, thiếu tá 1991 |
| 1999- nay | Công ty quản lý bay Miền Nam | Trưởng trung tâm Hiệp Đồng – Tìm kiếm cứu nạn Hàng Không |
| 4/2014 đến nay | Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên HĐQT |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty

Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

Trưởng trung tâm Hiệp Đồng – Tìm kiếm cứu nạn Hàng Không, Công ty quản lý bay miền Nam

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu cho PVFCCo

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Những người liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.2. Ban Giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Đức Hiền | Giám đốc |
| 2 | Lê Kiên Định | Phó Giám đốc |
| 3 | Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc |

1. Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN

Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (thông tin đã trình bày ở trên)

2. Ông LÊ KIÊN ĐỊNH

Phó Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/11/1973

CMND : 025511848 Nơi cấp: CATP.HCM Ngày cấp: 22/10/2011

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi sinh : Tp.Nam Định, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú : B112/43 Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp.HCM

Số ĐT liên lạc : 0937 353 699

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|--------------------------------------|
| 12/1994 – 04/2004 | Công ty bay DV hàng không | Thanh toán quốc tế, Kế toán tổng hợp |
| 04/2004 – 04/2007 | Công ty bay DV hàng không, Tổng Công ty Hàng không VN | Trưởng CN tại Cộng Hòa Philippines |

| | | |
|--------------------|--|-----------------------------------|
| 12/2007 – 04/2009 | Công ty TNHH MTV DV TM Dầu khí | PP Tài chính - Kế toán |
| 04/2009 – 02/2010 | Như trên | TP Kinh doanh |
| 02/2010 – 12/2010 | Như trên | P. Giám đốc |
| 12/2010 – 02/2011 | Công ty TNHH nhiên liệu sinh học Phương Đông | Trợ lý TGD, phụ trách công tác HC |
| 06/2011 - 11/2011 | Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | PP Giao nhận |
| 11/2011 – 05/2012 | Như trên | Phó PT phòng Giao nhận |
| 05/2012 - 04/2014 | Như trên | TP Giao nhận |
| 16/04/2014 đến nay | Như trên | Phó Giám đốc |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3. Ông TRẦN VĂN THẮNG Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị (đã trình bày ở trên)

12.3. Thành viên Ban kiểm soát

Danh sách Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------|----------------|
| 1 | Mai Hồng Khánh | Trưởng BKS |
| 2 | Lê Đăng Tú | Thành viên BKS |
| 3 | Liêu Bích Thủy | Thành viên BKS |

Thù lao và lợi ích khác nhận được : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2. Ông LÊ ĐĂNG TÚ

Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 22/12/1979
CMND : 182335992 Nơi cấp: CA Nghệ An. Ngày cấp: 03/05/2012
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Nơi sinh : Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Diễn Châu, Nghệ An
Số ĐT liên lạc : 0918 527 571
Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học chuyên ngành Tin học

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---|
| 8/2004 – 5/2006 | Công ty Phân đạm và Hoá chất Dầu khí | Chuyên viên Phòng Kế hoạch |
| 5/2006 – 4/2009 | Công ty Phân đạm và Hoá chất Dầu khí | Chuyên viên Phòng Điều phối giao nhận |
| 04/2009 – 07/2010 | Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP | Chuyên viên Ban Thương mại – Thị trường |
| 08/2010 – nay | Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP | Chuyên viên Ban Phân bón |
| 6/2013 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên Ban Kiểm soát |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên Ban Phân bón Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3. Bà LIÊU BÍCH THỦY**Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 05/05/1966
CMND : 365920225 do CA Sóc Trăng cấp ngày 26/08/2008
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sóc Trăng
Địa chỉ thường trú : Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
Số ĐT liên lạc : 0913.983.444
Trình độ chuyên môn : Không

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|--------------------------|
| 01/1993 đến nay | DNTN Hưng Thạnh, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng | Giám đốc |
| 01/2011 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Thành viên Ban kiểm soát |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc DNTN Hưng Thạnh

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu cho DNTN Hưng Thạnh : 820.000 cổ phần, chiếm 4,82% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan

| Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|------------------------|--|---------------------|-------------------|
| DNTN Hưng Thạnh | Chủ sở hữu vốn do Bà Liêu Bích Thủy là | 820.000 | 4,82% |

| | | | |
|--|-----------------|--|--|
| | đại diện sở hữu | | |
|--|-----------------|--|--|

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những khoản nợ đối với Công ty : Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.4. Kế toán trưởng

Ông NGUYỄN THÀNH CÔNG

Kế toán trưởng

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 09/06/1978
CMND : 362419597Nơi cấp: CA.TP Cần ThơNgày cấp: 19/07/2010
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Nơi sinh : ấp Thành Nghĩa, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 190/2C đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Số ĐT liên lạc : 0918.949.088
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|-------------------------------|
| 10/2000 - 12/2003 | Công ty May Tây Đô | Kế toán viên |
| 01/2004 - 09/2004 | Công ty Kiểm toán AFC | Trợ lý kiểm toán |
| 10/2004 - 03/2008 | Công ty Kiểm toán SGN | Phó phòng nghiệp vụ kiểm toán |
| 04/2008 - 08/2008 | Chi nhánh Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí | Chuyên viên tài chính kế toán |
| 09/2008 - 12/2010 | Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Phó phòng Tài chính kế toán. |
| 01/2011 đến nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Kế toán trưởng |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Kế toán trưởng

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013, 2014 và Quý I/2015 của Công ty như sau:

ĐVT: triệu đ

| Stt | Khoản mục | 31/12/2013 | | 31/12/2014 | | 31/03/2015 | |
|-----------|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| I | Tài sản cố định hữu hình | 23.481 | 17.437 | 32.571 | 22.289 | 32.570 | 21.094 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 17.652 | 13.964 | 25.816 | 18.982 | 25.816 | 18.054 |
| 2 | Phương tiện vận tải | 4.130 | 3.077 | 4.130 | 2.389 | 4.130 | 2.218 |
| 3 | Máy móc, thiết bị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 1.698 | 396 | 2.625 | 919 | 2.624 | 822 |
| 5 | Tài sản khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 6.128 | 6.128 | 15.916 | 15.916 | 15.916 | 15.916 |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 6.128 | 6.128 | 15.916 | 15.916 | 15.916 | 15.916 |
| 2 | Phần mềm máy tính | - | - | - | - | - | - |
| 3 | Tài sản vô hình khác | | | | | | |

| Stt | Khoản mục | 31/12/2013 | | 31/12/2014 | | 31/03/2015 | |
|-----|------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| | | - | - | - | - | - | - |
| | Tổng cộng | 29.609 | 23.564 | 48.487 | 38.205 | 48.486 | 37.010 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý 1/2015

CHI TIẾT VỀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

| STT | Tên Tài sản | Diện tích (m ²) | Mục đích sử dụng | Tình trạng sở hữu |
|-----|--|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | Công trình nhà kho Đồng Tháp | 4.441,5 | Làm nhà kho | Quyền sử dụng đất vô thời hạn |
| 2 | Văn phòng Công ty tại 151/18 Trần Hoàng Na – TP. Cần Thơ | 645 | Làm văn phòng Công ty | Quyền sử dụng đất vô thời hạn |
| 3 | Nhà cho thuê tại 13A Phan Đình Phùng – Tp. Cần Thơ | 200,7 | Cho thuê | Quyền sử dụng đất vô thời hạn |

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo

14.1. Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025

14.1.1. Sứ mệnh

Cung cấp các sản phẩm phân bón, nông dược ổn định, kịp thời, tin cậy, giá hợp lý kèm theo các giải pháp giúp sử dụng hiệu quả sản phẩm, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh doanh, góp phần phát triển bền vững nông nghiệp ĐBSCL và lợi ích của các cổ đông.

Công ty tập trung ổn định về số lượng, chất lượng, chủng loại, nguồn hàng và thực hiện đúng các cam kết với khách hàng, với Tổng Công ty.

14.1.2. Tầm nhìn đến năm 2025

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón, nông dược số một tại ĐBSCL.

Các tiêu chí chính để đánh giá vị thế số một của PVFCCo SW, đó là:

- a. Hệ thống kênh phân phối hợp tác chặt chẽ, hiệu quả
- b. Kho hàng phủ các địa bàn trọng điểm, đáp ứng kịp thời nhu cầu
- c. Tư vấn kỹ thuật/giải pháp canh tác
- d. Thị phần Ure tối thiểu đạt 35 %
- e. Lợi nhuận/vốn chủ sở hữu: tối thiểu bằng lãi suất ngân hàng

14.1.3. Mục tiêu tổng quát

PVFCCo-SW tập trung có trọng điểm, thực hiện đúng cam kết, xây dựng hệ thống phân phối hiệu quả làm tăng giá trị đồng thời cho đối tác, người nông dân và Công ty, đảm bảo phát triển bền vững.

Đến năm 2015, PVFCCo-SW phấn đấu đạt các mục tiêu chính sau:

- Phân bón Urê đạt tối thiểu 65% thị phần; NPK phấn đấu đạt thị phần 18% tại thị trường ĐBSCL. Thực hiện bán hàng mậu biên.
- Trong giai đoạn 2011-2013, PVFCCo-SW tập trung nghiên cứu thị trường, tìm cơ hội, đối tác để hợp tác (mua hoặc góp vốn đầu tư) để đến giai đoạn 2013-2015 triển khai việc sản xuất/ phối hợp sản xuất/ kinh doanh mặt hàng nông dược.
- Trở thành đơn vị phân phối duy nhất cho các sản phẩm của PVFCCo và đơn vị phân phối chủ yếu cho Nhà máy Đạm Cà Mau tại ĐBSCL.
- Xây dựng các chi nhánh gắn với hệ thống kho tại các vùng trọng điểm, đảm bảo phục vụ kinh doanh phân bón tại ĐBSCL, sức chứa 80.000 tấn, trong đó có 4 kho của Công ty với tổng sức chứa 20.000 tấn.
- Đội ngũ CBCNV hoạt động chuyên nghiệp, đặc biệt lực lượng bán hàng sẽ có kiến thức vững về nông nghiệp, am hiểu khách hàng.
- Đảm bảo đời sống và thu nhập CBCNV ở mức cao, ổn định.

Định hướng đến năm 2025, PVFCCo-SW tiếp tục duy trì vị trí doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón, nông dược số một tại ĐBSCL.

14.1.4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến:

PVFCCo-SW phấn đấu đảm bảo sự cân đối, phù hợp với từng mốc thời gian; xác định thứ tự mục tiêu ưu tiên hợp lý để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh doanh. Trong đó cần ưu tiên xây dựng hệ thống phân phối chuyên nghiệp, tập trung giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả.

Dựa vào kế hoạch đầu tư xây dựng, định hướng phát triển của PVFCCo SW cho giai đoạn 2015 – 2016, PVFCCo SW đặt cho mình kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm sau như sau:

Dvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 |
|----------|----------|----------|
|----------|----------|----------|

| | Giá trị | % tăng giảm so với năm 2014 | Giá trị | % tăng giảm so với năm 2015 |
|--------------------------------------|----------|-----------------------------|---------|-----------------------------|
| Tổng Doanh thu | 2.476,67 | -3,03% | 2.478 | 0,053% |
| Lợi nhuận sau thuế | 21,84 | -31,51% | 23,4 | 7,14% |
| Vốn điều lệ | 170 | - | 170 | - |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | 0,89% | | 0,94% | |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 12,85% | | 13,76% | |
| Tỷ lệ cổ tức | 12% | | 12% | |

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của PVFCCo SW và chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015-2020

- Về kế hoạch năm 2015:

Kế hoạch doanh thu năm 2015 giảm 3% so với thực hiện năm 2014 là do Công ty dự kiến sản lượng tiêu thụ năm 2015 giảm so với kết quả thực hiện năm 2014, tuy nhiên sản lượng kế hoạch năm 2015 (305.000 tấn) vẫn cao hơn kế hoạch năm 2014 (300.000 tấn).

Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2015 giảm 31,51% so với thực hiện năm 2014 là do phân bón của Công ty chủ yếu nhập từ Tổng Công ty, tuy giá thành nhập phân bón có giảm so với các năm trước nhưng tốc độ giảm của giá vốn có khả năng giảm bằng hoặc thấp hơn tốc độ giảm của giá bán trước áp lực cạnh tranh về giá trên thị trường phân bón làm cho lợi nhuận sau thuế giảm nhiều.

- Về kế hoạch đối với năm 2016: Kế hoạch năm 2016 được lập dựa trên chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015 – 2020 đã được Tổng Công ty phê duyệt và dựa trên cơ sở làm việc với các đại lý và Tổng Công ty cũng như các đối tác khác về nhu cầu tiêu thụ phân bón trong các năm tới. Do vậy, kế hoạch năm 2016 Công ty xây dựng cao hơn năm 2015 là có cơ sở. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến lợi nhuận năm 2016 cao hơn năm 2015 do dự báo tình hình thị trường phân bón sẽ được cải thiện hơn trong các năm sau do nguồn hàng từ Tổng Công ty ngày càng ổn định. Dự kiến từ năm 2017, sản phẩm NPK Phú Mỹ do Tổng Công ty sản xuất ra đời sẽ kéo biên lợi nhuận cao hơn, Công ty kinh doanh hiệu quả hơn.

- Tình hình thực hiện kế hoạch: Trong 3 tháng đầu năm 2015, tổng doanh thu của Công ty là 574 tỷ đồng, đạt 23,17% kế hoạch cả năm; lợi nhuận sau thuế là 5,8 tỷ đồng, đạt 26,56% kế hoạch cả năm 2015. Như vậy, dựa vào nguồn cung cấp và khách hàng ổn định, Công ty

hoàn toàn tin tưởng vào việc hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2015 trong 3 quý còn lại.

- Ngoài ra, Công ty còn có các đại lý vừa là khách hàng thân thiết vừa là cổ đông của Công ty, luôn đồng hành với sự phát triển của Công ty, và đây cũng là cam kết cho việc tiêu thụ phân bón của PVFCCo SW.

14.2. Các giải pháp thực hiện mục tiêu chiến lược

14.2.1. Về nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi

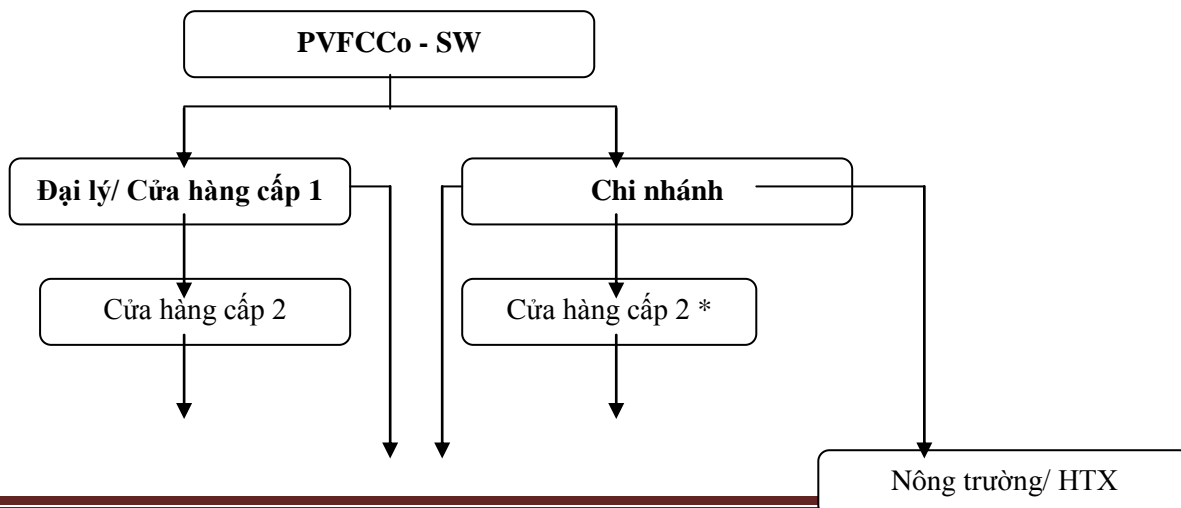
- Duy trì và phát triển thương hiệu mạnh.
- Phát triển lực lượng bán hàng bám sát, thấu hiểu khách hàng – người nông dân và khối cửa hàng cấp 2, am hiểu kỹ thuật nông nghiệp.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, ngân hàng dữ liệu cho công tác dự đoán, dự báo và phát triển hệ thống.
- Xây dựng hệ thống phân phối (bao gồm cả hậu cần) hiệu quả.
- Chủ động, tích cực tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo.

14.2.2. Về phát triển sản phẩm mới

- Kết hợp với các đối tác liên quan để nghiên cứu, phân phối Urê hạt đục, NPK.
- Liên doanh liên kết, góp vốn đầu tư, hợp tác với các đối tác tiềm năng về kinh doanh lúa gạo và sản phẩm nông dược.
- Tổ chức các điểm trình diễn sản phẩm mới (Urê hạt đục, NPK, sản phẩm nông dược).
- Tổ chức truyền hình trực tiếp giới thiệu các sản phẩm mới, quảng bá sản phẩm mới trên các kênh thông tin truyền hình, báo, đài...

14.2.3. Về phát triển kênh phân phối

- Kênh phân phối của PVFCCo-SW được tiếp tục xây dựng và phát triển theo hướng chuyên nghiệp với mô hình sau:



Nông dân

Ghi chú: Cấp 2*: Đại lý/Cửa hàng cấp 2 không trực thuộc hệ thống khách hàng của Đại lý/Cửa hàng cấp 1 đã đăng ký với Công ty.

- Xây dựng hệ thống kênh phân phối phân bón bám sát tới Cửa hàng cấp 2, người tiêu dùng, đặc biệt chú trọng tới các vùng lúa lớn. Ưu tiên triển khai trước tại các vùng trọng điểm sản xuất lúa như Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ (Công ty tập trung xây dựng thí điểm hệ thống phân phối tại tỉnh An Giang, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình cho các khu vực khác).
- Đầu tư hệ thống kho phải đảm bảo thuận lợi về giao thông (đường thủy, đường bộ), có bán kính phủ vùng phù hợp, không chông chéo, đáp ứng nhu cầu trung chuyển lượng phân bón từ Nhà máy Đạm Phú Mỹ (hiện tại) và Nhà máy Đạm Cà Mau (tương lai), hoặc từ các hoạt động nhập khẩu của Tổng Công ty và các hoạt động kinh doanh sản phẩm phân bón khác của Công ty.

14.2.4. Về tài chính

- Hoạch định ngân sách vốn phù hợp cho giai đoạn 2015-2018.
- Đảm bảo không có công nợ xấu.
- Tồn kho phù hợp thời vụ về lượng và thời gian.
- Đầu tư có trọng điểm và đảm bảo hiệu quả.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro hoạt động hiệu quả.

14.2.5. Về marketing

- Xây dựng đội ngũ CBCNV, đặc biệt là đội ngũ bán hàng, tiếp thị chuyên nghiệp.
- Kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- Xây dựng hệ thống thông tin.
- Xây dựng các giải pháp cạnh tranh dựa trên các mô hình mẫu và kết hợp 4 nhà, gắn với chương trình 3 giảm – 3 tăng, 1 phải – 5 đúng và VIETGAP.
- Quảng bá hình ảnh, thương hiệu của PVFCCo tới khách hàng, nông dân.

14.2.6. Về phát triển nguồn nhân lực

- Cải tiến quản lý/quy trình làm việc, loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết.
- Quản lý và khuyến khích người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá CBCNV phù hợp và định kỳ theo dõi sự hài lòng của CBCNV.
- Xây dựng đội ngũ CBCNV có kỹ năng làm việc, tinh thần hợp tác, khả năng làm việc

theo nhóm và kết hợp quản lý theo chức năng và xuyên chức năng.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng giỏi, chuyên nghiệp (am hiểu và bám sát thị trường, nắm chắc được các yêu cầu của khách hàng, lắng nghe và xử lý kịp thời các thông tin của khách hàng).
- Thường xuyên tổ chức đào tạo, đào tạo lại, tự đào tạo/chia sẻ kinh nghiệm là chủ yếu.
- Xây dựng văn hóa công ty: “Chấp nhận thách thức, Thân thiện, Hợp tác, Chia sẻ”.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay và chiến lược phát triển trong tương lai của PVFCCo-SW cùng với việc phân tích, đánh giá tiềm năng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của PVFCCo-SW trong giai đoạn 2015-2016 là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo - SW

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Hiện nay, PVFCCo-SW không liên quan đến bất kể một vụ kiện tụng hay tranh chấp nào.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.**
- 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu**
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 17.000.000 cổ phiếu (Mười bảy triệu cổ phiếu)**
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

| Cổ đông nội bộ | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ |
|---------------------|---------------|--------------------------|-------|
| Ông Phạm Quý Hiền | Chủ tịch HĐQT | 11.000 | 0,06% |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Ủy viên HĐQT/ | 13.000 | 0,08% |

| Cổ đông nội bộ | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ |
|--|--|--------------------------|---------------|
| | Giám đốc | | |
| Ông Đoàn Quốc Thịnh | Ủy viên HĐQT | - | 0% |
| Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên HĐQT/Phó GD | - | 0% |
| Ông Hoàng Văn Nhã | Ủy viên HĐQT | - | 0% |
| Bà Mai Hồng Khánh | Trưởng BKS | 1.000 | 0,01% |
| Bà Liêu Bích Thủy | TVBKS | - | 0% |
| Ông Lê Đăng Tú | TVBKS | - | 0% |
| Ông Lê Kiên Định | Phó GD | - | 0% |
| Ông Nguyễn Thành Công | Kế toán trưởng | 1.000 | 0,01% |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | Cổ đông lớn | 12.750.000 | 75% |
| DNTN Hưng Thạnh | Tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên BKS | 820.000 | 4,82% |
| TỔNGCỘNG | | 13.596.000 | 79,98% |

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 06 tháng và 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT và người có liên quan là cổ đông lớn, và tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Ban kiểm soát: 13.596.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Tổng số cổ phiếu sở hữu của thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT: 26.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu sở hữu của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP là cổ đông lớn có liên quan đến Thành viên HĐQT, Thành viên BKS: 12.750.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu sở hữu của DNTN Hưng Thạnh là tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Ban Kiểm soát: 820.000 cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách

Tại thời điểm 31/12/2013: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 17.000.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2013 là 212.716.239.562 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{212.716.239.562}{17.000.000} = 12.513 \text{ đồng/cổ phần}$$

| | | |
|----------|----------------------------------|------------|
| cổ phiếu | Nguồn kinh phí, quỹ khác | |
| | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 17.000.000 |

Tại thời điểm 31/12/2014: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 17.000.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014 là 214.293.593.904 đồng.

| | | | |
|-----------------------------|---|-----------------|-----------------------|
| Giá trị sổ sách cổ phiếu | Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí, quỹ khác | 214.293.593.904 | |
| | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 17.000.000 | = 12.606 đồng/cổ phần |

Tại thời điểm 31/03/2015: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 17.000.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/03/2015 là 219.239.667.480 đồng.

| | | | |
|-----------------------------|---|-----------------|-----------------------|
| Giá trị sổ sách cổ phiếu | Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí, quỹ khác | 219.239.667.480 | |
| | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 17.000.000 | = 12.896 đồng/cổ phần |

5.2. Phương pháp tính giá

5.2.1 Tính giá theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/Ebq_n$$

Trong đó;

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/Ebq_n: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và hóa chất có nhiều sự tương đồng nhất với PVFCCo-SW đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

5.2.2 Tính giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/Bbqn$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/Bbqn được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và thương mại có nhiều sự tương đồng nhất với PVFCCo SW đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty có quy định tỷ lệ nắm giữ của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sẽ theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của PVFCCo-SW được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Cụ thể: tỷ lệ tham gia nắm giữ cổ phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài tối đa bằng 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

Tại ngày 12/05/2015, số lượng cổ phần do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 0 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế GTGT: Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT”, mức thuế suất mà công ty áp dụng từ năm 2014 trở về trước là: 5% đối với phân bón; 10% đối với hóa chất; và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật. Từ năm 2015, theo Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014” Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế”, mặt hàng phân bón là đối tượng không chịu thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho năm 2014 – 2015 là 22%, kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

- **Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán**

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

➤ **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

- Giá bán chứng khoán được xác định như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
- + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
- + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

- Giá mua chứng khoán được xác định như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
- + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
- + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.

- Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:
 - + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
 - + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
 - + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
 - + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
 - + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.
- **Thuế suất và cách tính thuế:**
 - ***Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:***
 - Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
 - + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.
 - + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.
 - Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
 - Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
 - Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
 - Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:
$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - Cách tính thuế phải nộp như sau:
$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

➤ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

➤ *Trụ sở chính:*

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (04) 3934 3888
- Fax: (04) 3934 3999
- Website: <http://psi.vn>
- Email: dvkh@psi.vn

➤ *Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:*

- Địa chỉ: số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3914 6789 Fax: (08) 3914 6969

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Tầng 11, P.1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn,
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3910 0751 Fax: (08) 3910 0750
- Website: www.deloitte.com/vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty
- 3. Phụ lục III: Các báo cáo tài chính**
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 và báo cáo tài chính Quý 1/2015

Cần Thơ, ngày tháng năm 2015

| CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG | |
|---|--|
| CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  PHẠM QUÝ HIỀN | GIÁM ĐỐC  NGUYỄN ĐỨC HIỀN |
| TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  MAI HỒNG KHÁNH | KẾ TOÁN TRƯỞNG  NGUYỄN THÀNH CÔNG |
| CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY – GIÁM ĐỐC CN TP. HCM  TRẦN HÙNG DŨNG | |

C.P. ★ OH